

# QUẢN LÝ NÔNG SẢN THỰC PHẨM



# LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay chất lượng có một vai trò rất quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội. Nó là một nhân tố quyết định tới sự thành bại của bất cứ doanh nghiệp nào, quốc gia nào khi tham gia vào phân công lao động quốc tế.

Để có thể phát triển kinh tế và hoà nhập vào nền kinh tế thế giới đối với nước ta, là một quốc gia có nền kinh tế chậm phát triển chất lượng sản phẩm cha cao và không ổn định thì việc đảm bảo và nâng cao chất lượng là một yêu cầu hết sức cần thiết.

Muốn đảm bảo và nâng cao chất lượng, đòi hỏi phải có nhận thức đúng đắn và phương pháp quản lý khoa học. Thực tế xét về bề mặt khách quan mà nói thì chất lượng sản phẩm hàng hoá nói chung là nh thế. Nhưng khi đã đi sâu vào tìm hiểu vấn đề chất lượng hàng hoá nông sản thực phẩm thì mới thấy được nhiều vấn đề đặt ra trong công tác quản lý của nhà nước về tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực này.

Để hình thành lên một cơ cấu quản lý cũng nh sự điều tiết của nhà nước trong lĩnh vực này thực sự là cả một quá trình hình thành và phát triển của luật pháp quốc gia. Để tìm hiểu về thực trạng công tác quản lý của nhà nước về tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực Nông sản - Thực phẩm ra sao? Cũng nh có thể đề xuất một số biện pháp góp phần thúc đẩy công tác quản lý chất lượng trong lĩnh vực này em đã lựa chọn đề tài:

***"Tăng cường quản lý của nhà nước về tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực Nông sản - Thực phẩm"***.

Bài viết của em gồm 3 phần:

**Phần I.** Lý luận chung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá chất lượng nông sản thực phẩm.

**Phần II.** Thực trạng công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực Nông sản - Thực phẩm

**Phần III.** Những kiến nghị đề xuất về tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá chất lượng Nông sản - Thực phẩm

Trước khi đi vào từng nội dung cụ thể em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn chỉ bảo của thầy giáo: Nguyễn Đình Phan, sự giúp đỡ của các cô, các bác ở trung tâm tiêu chuẩn chất lượng (thuộc Tổng cục TCĐLCL) đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài viết này.

Do kiến thức còn hạn chế nên khi trình bày sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong sẽ nhận được sự chỉ bảo của thầy cùng các cô, các bác.

***Hà Nội, năm 2001***

Sinh viên

**Trịnh Minh Thọ**

## PHẦN I:

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN HOÁ CHẤT LƯỢNG NÔNG SẢN - THỰC PHẨM

### **1. Khái quát về Nông sản - Thực phẩm, các khái niệm cơ bản:**

\* Tổ chức tiêu chuẩn hoá quản lý, ISO (mà cụ thể là ban kỹ thuật TC34) và uỷ ban tiêu chuẩn hoá quốc tế về thực phẩm - CAC là 2 tổ chức lớn nhất hiện nay tiến hành công tác tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực nông sản thực phẩm.

Nước ta là thành viên của ISO từ 1977. Từ đó đến nay công tác tiêu chuẩn hoá quốc tế nói chung và công tác tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực nông sản thực phẩm nói riêng không ngừng đợc đẩy mạnh bởi lẽ đây là con đường hiệu quả nhất, giúp chúng ta từng bước nâng cao chất lượng hàng hoá nông sản và xuất khẩu. Hàng loạt tiêu chuẩn ISO đã đợc sử dụng để xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam nh tiêu chuẩn trong lĩnh vực chè, cà phê...

Tuy nhiên do đặc tính quan trọng của hàng hoá nông sản, tổ chức lương thực thế giới FAO và tổ chức y tế thế giới - WHO đã phối hợp trong chương trình hỗn hợp FAO/WHO về công tác tiêu chuẩn hoá.

Để thực hiện chương trình này hai tổ chức trên đã thành lập uỷ ban tiêu chuẩn hoá quốc tế thực phẩm về CAC vào năm 1962 nhằm bảo vệ sức khoẻ cho người tiêu dùng và an toàn, tin tưởng trong lưu thông thực phẩm. Hiện nay đây là tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn có số thành viên đông nhất trong đó phần lớn là các nước đang phát triển.

Nh đã trình bày ở trên Việt Nam là nước nông nghiệp thuộc khối các nước đang phát triển. Hơn nữa trong nền kinh tế thị trường với xu hướng tạo động lực cho các doanh nghiệp trong nước phát triển thì rất cần có sự hỗ trợ, quản lý của nhà nước mà cụ thể phải nói đến ở đây là công tác quản lý của nhà nước tổng các lĩnh vực kinh tế nói chung và công tác tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực nông sản thực phẩm nói riêng. Vì đặc tính của hàng hoá Nông sản - Thực phẩm là rất quan trọng đối với người sản xuất và tiêu dùng. Mà đặc biệt đối với Việt Nam là nước có nền nông nghiệp phát triển, đang dần chuyển mình sang nền kinh tế thị trường vì vậy rất cần có sự quan tâm của nhà nước tới lĩnh vực này. Trớc hết là để bảo vệ người tiêu dùng sau đó cũng có thể coi công tác tiêu chuẩn hoá dưới sự quản lý của nhà nước là một biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá nông sản - thực phẩm tăng khả năng cạnh tranh không những chỉ có thị trường trong nước mà cả trên thị trường quốc tế.

#### *\* Các khái niệm cơ bản:*

Để hiểu đợc các vấn đề có liên quan đến nông sản - thực phẩm chúng ta phải xem xét các khái niệm chung của nông sản - thực phẩm. Không phải dễ dàng có thể tách biệt đợc 2 khái niệm này bởi lẽ giữa nông sản và thực phẩm có quan hệ mật thiết với nhau.

- Nông sản là kết quả của quá trình lao động nông nghiệp, sản phẩm đợc sản xuất ra chủ

yếu nhằm mục đích phục vụ cho quá trình chế biến thực phẩm.

- Thực phẩm là kết quả của hàng loạt các thao tác quy trình chế biến từ nông sản mà có được. Mục đích cuối cùng là đáp ứng nhu cầu ăn uống sinh sống của con người. Hơn nữa muốn xem xét nghiên cứu quá trình thực hiện công tác quản lý của nhà nước ra sao chúng ta cần phải thấy được vai trò của nông sản - thực phẩm đối với nền kinh tế và đối với con người.

Từ đó sẽ xem xét công tác quản lý của nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá nông sản - thực phẩm.

## **2. Vai trò và ý nghĩa của nông sản - thực phẩm**

### ***a) Vai trò.***

Lương thực - thực phẩm là nhu cầu thiết yếu trong đời sống con người. Nó đảm bảo sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế cũng như mọi mặt của hoạt động văn hoá - xã hội. Chính vì vậy Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng tới sự phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, đồng thời cũng rất quan tâm tới việc phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm nhằm tạo nên nhiều thực phẩm hàng hoá đảm bảo an ninh lương thực và tạo nên những sản phẩm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu làm cơ sở vững chắc cho nền kinh tế quốc dân tiến lên công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển sản xuất để tăng cường số lượng chúng ta cũng đặc biệt quan tâm tới việc nâng cao chất lượng, lương thực, thực phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh nhằm tăng cường chất lượng cuộc sống cho nhân dân và đảm bảo sức khoẻ lâu dài cho người tiêu dùng và tương lai cho giống nòi.

Khác với nhiều loại hàng hoá khác lương thực, thực phẩm là một loại hàng hoá đặc biệt. Nhờ có nó mà con người mới có thể sống, tồn tại và phát triển. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của mỗi người, bởi vì hàng ngày ai cũng cần thức ăn và nước uống. Xã hội càng văn minh thì chất lượng thực phẩm cũng vì thế mà tăng lên không ngừng.

Trước đây Việt Nam chỉ là một nước nông nghiệp lạc hậu. Nông dân làm ra nông sản với mục đích tự cung, tự cấp cho chính cuộc sống gia đình hoặc một phần được bán ra trong phạm vi không gian hẹp. Thực phẩm làm ra phần lớn ở dạng đơn giản, chủ yếu được chế biến trực tiếp trong các bếp gia đình.

### ***b) Ý nghĩa***

Trước đây Việt Nam chỉ là một nước nông nghiệp lạc hậu. Nông dân làm ra nông sản với mục đích phục vụ cho chính cuộc sống của họ là chủ yếu cho nên họ không quan tâm đến công tác tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực này.

Bước sang nền kinh tế thị trường, để chuyển mình từng bước tiến lên công nghiệp hoá hiện đại hoá. Muốn tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao chất lượng hàng hoá nói chung và hàng hoá nông sản thực phẩm nói riêng cần phải có công tác quản lý của nhà nước về tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực nông sản - thực phẩm.

Qua việc nghiên cứu thì thấy rằng công tác quản lý của nhà nước mà thực hiện tốt, tránh được mọi sai sót sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.

- **Thứ nhất:** Tăng khả năng cạnh tranh của hàng hoá nông sản - thực phẩm trong nước, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- **Thứ hai:** Bảo đảm sức khoẻ cho người tiêu dùng và đảm bảo tin tưởng xác đáng trong việc mua thông long thực.

- **Thứ 3:** Kiện toàn tốt hơn nữa bộ máy quản lý của nhà nước bằng việc phân ngành quản lý trong từng lĩnh vực cụ thể. Tạo ra sự liên kết giữa các ngành, các bộ với nhau.

Tóm lại qua việc nghiên cứu vấn đề này sẽ cho chúng ta thấy được ý nghĩa của hàng hoá nông sản thực phẩm rất lớn trong nền kinh tế đất nước. Mà đặc biệt hơn nữa là phục vụ cho cuộc sống của con người ngày một nâng cao đáp ứng tốt hơn công tác quản lý của nhà nước trong lĩnh vực này tạo đà phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội.

Vì thế người ta ít quan tâm tới việc tiêu chuẩn hoá thực phẩm nh là một yếu tố quan trọng nhằm tạo nên nông sản hàng hoá và việc giáo dục tiêu chuẩn hoá trong xã hội cũng không cần được đặt ra.

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu chúng ta từng bước tiến lên công nghiệp hoá. Nông nghiệp chuyển dần từ ngành sản xuất nông sản tự cấp, tự túc sang nông sản thực phẩm hàng hoá. Đây là một bước tiến quan trọng trong nền sản xuất nông nghiệp của nước ta.

Hiện nay nông sản - thực phẩm làm ra không chỉ lưu thông trên thị trường của một địa phương mà đã mở rộng ra nhiều nơi khác xa hơn.

Nhiều nông sản thực phẩm đã trở thành mặt hàng xuất khẩu quan trọng của đất nước như: chè, cà phê, hạt điều, hạt tiêu rau quả, thủy sản, đặc biệt là gạo. Từ một nước luôn luôn thiếu lương thực chúng ta đã trở thành một quốc gia xuất khẩu gạo điều đó đã tạo nên một khuôn mặt Việt Nam mới trên thị trường ngũ cốc thế giới.

Qua tìm hiểu các đặc trưng của hàng hoá nông sản - thực phẩm chúng ta thấy được vai trò của nó đối với đời sống kinh tế - xã hội hết sức to lớn. Không những nó chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong nền kinh tế của đất nước mà còn là một thứ "nguyên liệu" sống cho người dân. Hơn nữa trong thời đại ngày nay bất kỳ một sản phẩm nào muốn trở thành hàng hoá có chất lượng, có thị trường ổn định và có hiệu quả kinh tế cao đều phải quan tâm tới tiêu chuẩn hoá. Khi công tác quản lý của nhà nước đã đẩy nhanh việc nâng cao chất lượng hàng hoá nông sản thực phẩm cũng có nghĩa là tiến thêm một bước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

### **3. Sản xuất, tiêu dùng của thế giới - Việt Nam**

Trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay, các nước đang có những nỗ lực nhằm tìm kiếm giải pháp để tăng cường xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu. Xuất khẩu là mục tiêu hướng tới của nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam cũng đang cố gắng mở rộng thị trường xuất khẩu của mình thông qua việc đề ra và thực hiện các biện pháp nhằm đáp ứng các yêu cầu thương

mại của nước nhập khẩu.

Hiện nay xuất khẩu chiếm tỷ trọng đáng kể trong GDP của đất nước trong đó nông sản là một trong những mặt hàng xuất khẩu chính.

Các nhà sản xuất và xuất khẩu Việt Nam đang đứng trước những yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng và môi trường. Những yếu tố hết sức cần thiết để mở rộng thị trường và đảm bảo tăng trưởng xuất khẩu một cách bền vững, đặc biệt trong xuất khẩu hàng nông sản.

Việc nghiên cứu tìm hiểu các yêu cầu và tác động của tiêu chuẩn chất lượng và môi trường đối với hàng nông sản là hết sức cần thiết và quan trọng.

### ***a) Nhận thức của các doanh nghiệp Việt Nam về tiêu chuẩn chất lượng và môi trường:***

Theo kết quả điều tra mới nhất của vụ chính sách kinh tế đa biên (Bộ thương mại) thì không ít doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chưa hiểu biết đầy đủ về các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn môi trường quốc tế. Đối với họ các tiêu chuẩn về vệ sinh, kiểm dịch, tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn kỹ thuật, mẫu mã sản phẩm và bao gói sản phẩm đều thuộc khái niệm "chất lượng sản xuất". Nhiều khi các hoạt động cải tiến chất lượng sản phẩm chỉ mới chủ yếu tập trung vào việc nâng cao giá trị sử dụng của hàng hoá hoặc cải tiến mẫu mã, bao bì chứ chưa tập trung đúng mức vào các khía cạnh kỹ thuật hay tiêu chuẩn kỹ thuật vệ sinh kiểm dịch (SPS) và môi trường.

Tất cả các doanh nghiệp đều nhận thức được rằng, chất lượng sản phẩm là một trong những yếu tố quyết định, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của họ trên thị trường quốc tế, nên họ đã rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên cho đến nay các doanh nghiệp vẫn mới chỉ nhìn nhận cách tốt nhất để nâng cao chất lượng sản phẩm là áp dụng công nghệ tiên tiến và các hệ thống quản lý chất lượng hiện đại như Bộ tiêu chuẩn ISO 9000, chứ chưa nhận thấy vai trò to lớn của hệ thống quản lý môi trường ISO 14000. Các doanh nghiệp hầu như không có thông tin về các hiệp định môi trường đa phương hoặc các quy định của WTO liên quan đến môi trường.

Vấn đề môi trường mới chỉ được các doanh nghiệp đề cập đến góc độ bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất. Ví dụ như vấn đề xử lý chất thải, an toàn vệ sinh nơi làm việc...

### ***b) Yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường của các nước nhập khẩu***

Yêu cầu của các nước nhập khẩu đối với một sản phẩm nào đó thì rất khác nhau... Mỗi nước có một hệ thống tiêu chuẩn riêng và các doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ để đáp ứng yêu cầu của mỗi loại tiêu chuẩn, trong đó có tiêu chuẩn về môi trường. Điều này trên thực tế nhiều khi đã hạn chế khả năng mở rộng thị trường của các doanh nghiệp hoặc do hệ thống sản xuất của họ không đủ linh hoạt để đáp ứng với tất cả các loại yêu cầu đặc thù của các nước bạn hàng, hoặc do họ không có khả năng đầu tư để đáp ứng các tiêu chuẩn được đặt ra. Nhiều nước quy định tiêu chuẩn chất lượng và môi trường hết sức cao nhằm bảo đảm an toàn vệ sinh và sức khoẻ cho người tiêu dùng. Điều này đã làm cho các doanh nghiệp muốn xuất khẩu sản phẩm của mình sang các nước đó gặp rất nhiều khó khăn. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, một khi hầu hết cơ sở hạ

tăng và các trang thiết bị còn lạc hậu thì vấn đề môi trường vẫn sẽ còn là một thách thức lớn cho việc mở rộng thị trường và tăng cường xuất khẩu. Các doanh nghiệp cho rằng, việc hài hoà tiêu chuẩn với tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại phát triển.

***c) Tác động của tiêu chuẩn chất lượng và môi trường đến hàng nông sản xuất khẩu:***

\* *Các vấn đề về thủ tục đánh giá phù hợp tiêu chuẩn các nước nhập khẩu.* Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đa số các Tổng công ty nhà nước xuất khẩu nông sản đều có bộ phận kiểm tra và quản lý chất lượng riêng.

Một số bạn hàng nhập khẩu (với những lô hàng cụ thể) công nhận các bộ phận kiểm tra chất lượng này và cho phép họ giám định và chứng nhận chất lượng hàng hoá xuất khẩu. Tổng trường hợp khác doanh nghiệp xuất khẩu phải xin giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng tại một cơ quan độc chỉ định, ví dụ nh Vina Control hoặc một cơ quan giám định hàng hoá nước ngoài.

Một số nước nhập khẩu lại yêu cầu hàng hoá nhập khẩu vào nước họ phải có giấy chứng nhận chất lượng của một cơ quan độc chỉ định tại nước họ. Thủ tục này thường mất rất nhiều thời gian và tốn kém. Cũng có trường hợp nước nhập khẩu cho phép một cơ quan giám định của nước xuất khẩu cấp giấy chứng nhận chất lượng nhng thủ tục giám định phải tuân thủ nghiêm ngặt các hớng dẫn và chỉ thị của họ. Các thủ tục này thường rất tốn kém và dẫn đến sự chậm chễ trong việc giao hàng.

\* *Các vấn đề về tiêu chuẩn kỹ thuật và vệ sinh kiểm dịch.*

Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và vệ sinh kiểm dịch thường đợc quy định trong hợp đồng giữa bên xuất khẩu và bên nhập khẩu, tuỳ theo từng trường hợp cụ thể mà các quy định có thể khác nhau. Trong đa số các trường hợp nông sản xuất khẩu khác phải tuân thủ các yêu cầu chất lượng rất nghiêm ngặt của nước nhập khẩu. Việc đáp ứng yêu cầu chất lượng đợc chứng nhận thông qua "Giấy chứng nhận chất lượng" do các cơ quan khác nhau cấp.

Một số nhà nhập khẩu nước ngoài khi nhập khẩu nông sản từ Việt Nam phải hoàn thành rất nhiều thủ tục nhập khẩu và kiểm tra chất lượng phức tạp ở nước họ.

Ví dụ có nhà nhập khẩu phải xin giấy giới thiệu của Bộ trưởng Nông nghiệp hoặc hiệp hội nông nghiệp khi nhập một mặt hàng nông sản nào đó. Những thủ tục phiền hà này tại nước nhập khẩu đôi khi cũng làm nản chí một số nhà nhập khẩu muốn làm ăn với Việt Nam.

Cũng có nhiều nước đặt ra tiêu chuẩn chất lượng cao đối với hàng nông sản nhập khẩu, đặc biệt là mặt hàng rau quả (nh tiêu chuẩn về hàm lượng chất bảo vệ thực vật, chất phụ gia, độc tố, kim loại nặng, độ ẩm, nấm mốc v.v...)

Các tiêu chuẩn này thậm chí còn cao hơn cả các tiêu chuẩn quốc tế. Một số nước nhập khẩu lại quy định việc nhập khẩu nông sản phải tuân thủ những luật lệ và quy định nhất định; ví dụ luật bảo vệ cây trồng, luật an toàn vệ sinh thực phẩm, các quy định về chất phụ gia thực phẩm v.v... Tuy nhiên những quy định này không phải lúc nào cũng minh bạch, nhất quán và đợc công bố rộng rãi để các nhà sản xuất nước ngoài biết.

\* *Chi phí để đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường.* Tất cả các doanh nghiệp đều rất chú trọng đến việc cải tiến chất lượng sản phẩm của mình. Cách tốt nhất theo họ nghĩ để làm được điều này là áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000.

Tuy nhiên chi phí cụ thể cho việc đầu tư này không được các doanh nghiệp đề cập tới. Nhiều doanh nghiệp cho rằng các yêu cầu của nước nhập khẩu đối với hàng nông sản rất cao. Muốn đáp ứng các yêu cầu này thì phải mất nhiều thời gian và tiền của. Ví dụ: (Phạt do giao hàng chậm, phụ trội chi phí kinh doanh, phí giám định hàng hoá v.v...).

\* *Sự phân biệt đối xử của nước nhập khẩu đối với các nước xuất khẩu.*

Theo kết quả khảo sát của vụ chính sách kinh tế Đa biên (Bộ thương mại) thì sự phân biệt cơ bản nhất là phân biệt đối xử về thuế quan. Nhiều nước nhập khẩu không cho Việt Nam hưởng thuế suất theo quy chế. Do đó hàng xuất khẩu của Việt Nam khó cạnh tranh được với hàng cùng loại của các nước xuất khẩu khác.

Các nước nhập khẩu cũng thường phân loại các nước xuất khẩu theo những tiêu chuẩn chất lượng môi trường và SPS của mình.

Trong nhiều trường hợp Việt Nam không được nằm trong danh sách ưu đãi và vì vậy mà một số sản phẩm của Việt Nam không được nhập khẩu trong khi sản phẩm tương tự của một số nước khác vẫn được phép nhập khẩu.

***d) Tình hình thương mại trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá nông sản - thực phẩm:***

Thương mại Việt Nam

26-6-1999 - Trang 4.

- 5 tháng đầu năm 1999 cả nước đã xuất khẩu 1,94 triệu tấn gạo trị giá 457 triệu USD.

- Tính đến hết tháng 10 năm 1999 kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước đạt 769 triệu USD.

Trong đó xuất khẩu sang thị trường châu Á chiếm 70%, châu Âu 10%, châu Mỹ 15%.

## XUẤT KHẨU T11 VÀ 11 THÁNG NĂM 1999

*Đơn vị tính: Nghìn tấn và triệu USD*

Mặt hàng chủ yếu	Chính thức T10/1999		Ước tính T11/1999		Cộng dồn 11 tháng 1999		11 tháng 1999 so cùng kỳ năm trước (%)	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
Lạc nhân	4,5	2,4	4	2,5	54	32	65,6	81,0
Cao su	29	14	35	17	215	117	126,9	102,1
Cà phê	39	38,9	55	56	383	481	114,6	92,1
Chè	3,6	3,5	5	6,6	30	38	97,1	79,9
Gạo	240	41	220	43,6	4246	964	120,4	100,3
Hạt điều	1,7	9,5	1,2	7	14	83	58,8	77,6
Hạt tiêu	1,4	6,0	9	4	34	136	258,7	235,3
Rau quả		7,8		5		68		130,3
Hải sản		97		105		893		

## XUẤT KHẨU NĂM 2000

*Đơn vị tính: Nghìn tấn, triệu USD*

Mặt hàng	Thực hiện 11 tháng năm 2000		Ước tính T12/2000		Ước tính cả năm 2000		Ước tính cả năm 2000 so với 1999	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
Hải sản		1325		150		1475		151,9
Gạo	3212	616	288	52	3500	668	77,6	65,2
Cà phê	614	449	80	36	694	485	144,0	82,9
Rau quả		185		20		205		195,2
Cao su	245	150	35	20	280	170	105,7	115,8
Hạt tiêu	35,7	141	0,5	1	36,2	142	104	103,6
Hạt điều	23,3	116	3,1	14	26,4	130	143,4	118,2
Chè	40,7	47	4,0	7	44,7	53,4	122,8	118,7
Lạc	74,2	40	4,0	2	78,2	42	140,9	128,7

\* Dự báo cung cầu về long thực trong giai đoạn 2001-2005:

- Tổng sản lượng long thực trong 5 năm dự kiến đạt 175 - 180 triệu tấn tăng bình quân hàng năm 2,2%.

- Sản lượng long thực hàng hoá đạt 70 - 75 triệu tấn, chiếm 47,5% tổng sản lượng (bình quân mỗi năm đạt 14 triệu tấn).

- Sản lượng long thực hàng hoá đa vào tiêu dùng sẽ đạt khoảng 25-30 triệu tấn, chiếm 14% tổng sản lượng.

- Lượng gạo để xuất khẩu dự kiến đạt 14-16 triệu tấn (khoảng 28-33 triệu tấn thóc) bình quân xuất khẩu 3,5 - 4,2 triệu tấn gạo mỗi năm.

\* Dự báo về các mặt hàng xuất khẩu chính năm 2001.

- Cà phê:

+ Tổng sản lượng 91 triệu bao (mỗi bao 60 kg) tăng 1,6% so với vụ trước.

+ Tổng nhu cầu 76,9 triệu bao.

+ Dự trữ 69 triệu bao.

+ Các thị trường tiêu thụ chính: Canada, Mỹ, các nước Đông Âu, Mỹ Latinh, Bắc Phi, Viễn Đông, Nga.

- Thủy sản: Thị trường thủy sản sẽ sôi động hơn vì 2 bạn hàng đứng đầu nhập khẩu thủy sản của Việt Nam là Nhật Bản và Hàn Quốc đang trên đà tăng trưởng kinh tế nên nhu cầu nhập thủy sản có thể tăng. Bên cạnh đó Mỹ là thị trường nhiều triển vọng. Có thể năm tới giá tôm sẽ tăng.

- Đờng:

+ Tổng sản lượng: 131 triệu tấn giảm 5 triệu tấn so với năm 2000.

+ Tổng nhu cầu: 137-140 triệu tấn.

+ Dự báo giá đờng sẽ phục hồi trong năm tới.

## XUẤT KHẨU GẠO CÀ PHÊ CAO SU 1996-2000

	1996		1997		1998		1999		2000	
	SL	G.trị								
Gạo (triệu tấn)	3,0	855	3,5	870	3,7	1024	4,5	1025	3,5	668
Cà phê (1000 tấn)	239	337	389	491	382	584	482	585	694	485
Cao su (1000 tấn)	111	150	195	191	191	128	265	147	280	170

### 4. Sự cần thiết phải có công tác quản lý của nhà nước

Nh chúng ta đã biết thực phẩm là kết quả của các quy trình chế biến nông sản mà có độc. Vì vậy muốn thấy độc sự cần thiết phải có công tác quản lý của nhà nước thì phải đi sâu tìm hiểu tình hình quản lý an toàn nông sản ở nước ta trong những năm qua ra sao?

Theo thống kê cha đầy đủ của Bộ y tế năm 1997 có 558 vụ ngộ độc thức ăn với 6421 người mắc và 46 người chết. Có những vụ ngộ độc đã làm cho hàng ngàn ca phải vào bệnh viện nh vụ ngộ độc tại một xí nghiệp giấy da ở Bình Dương. Nếu theo cách tính của WHO thì trong năm 1997 đã có hàng triệu người bị ngộ độc thực phẩm. Ngay từ đầu năm 1998 cũng đã xảy ra hàng loạt vụ ngộ độc thức ăn mà điển hình là vụ ngộ độc thức ăn ở trường mầm non 11A thành phố Hồ Chí Minh với hàng trăm cháu bị bệnh. Nguyên nhân chủ yếu của các vụ ngộ độc là do ph-ong thức bảo quản và chế biến thức ăn không hợp vệ sinh làm cho thực phẩm bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh. Các vụ ngộ độc có thể gây thiệt hại rất lớn cho sức khoẻ và kinh tế của một quốc gia. Ngay cả ở một nước phát triển nh Hoa Kỳ thì hàng năm có hàng chục triệu lượt người bị ốm và 10.000 người chết do vi sinh vật gây bệnh có trong thực phẩm, con số thiệt hại do ngộ độc thực phẩm cũng lên tới hàng chục tỷ đô la.

Tại Việt Nam thiệt hại của nhân dân và nhà nước trong năm 1997 do yếu kém trong công tác vệ sinh thực phẩm với ớc tính sơ bộ cũng đã tới hàng ngàn tỷ đồng.

Năm 1999 với con số thống kê cha đầy đủ về ngộ độc thực phẩm của 44 tỉnh, thành phố tính đến ngày 20/12/1999 đã xảy ra 224 vụ ngộ độc thực phẩm với 5489 người mắc, trong đó có 59 trường hợp tử vong.

Ngoài những tác hại do thực phẩm không an toàn còn có những nguy hại tiềm ẩn khác: D lợng thuốc trừ sâu, phân hoá học trong rau quả, d lợng thuốc tăng trọng trong thịt... Các vấn đề mang tính chất xã hội nh buôn lậu thuốc bảo vệ thực vật, đang là vấn đề bức xúc.

Tệ sản xuất buôn bán hàng giả cũng là một nguyên nhân đáng lo ngại. Nguồn thực phẩm nhập khẩu chúng ta mới chỉ kiểm soát độc số hàng nhập qua đờng chính ngạch. Đối với nguồn thực phẩm trong nước vấn đề đáng quan tâm là đăng ký và kiểm tra chất lợng.

Việt Nam đang thiếu một hệ thống quản lý và một cơ chế hoạt động phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó hệ thống luật pháp về quản lý thực phẩm của chúng ta rõ ràng là chưa hoàn thiện, còn nhiều khoản cần được hoàn chỉnh để phù hợp với điều kiện kinh tế đa thành phần và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Sự phối kết hợp quản lý giữa các ngành liên quan để đảm bảo an toàn thực phẩm chưa được chặt chẽ. Nhiều vụ việc chúng ta còn tỏ ra lúng túng chưa tìm ra được hướng giải quyết phù hợp.

Trên đây là một số ví dụ chung và tình hình quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm ở nước ta. Qua đó mới thấy rằng cần phải có một công tác quản lý mới của nhà nước một cách toàn diện và chặt chẽ.

## Phần II:

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIÊU CHUẨN HOÁ TRONG LĨNH VỰC NÔNG SẢN - THỰC PHẨM

## II.1. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM Ở NƯỚC TA TRONG NHỮNG NĂM QUA.

Nông sản là một loại hàng hoá dùng làm nguyên liệu chủ yếu để chế biến ra thực phẩm. Vấn đề an toàn thực phẩm ở Việt Nam đang trở thành mối quan tâm to lớn của toàn thể nhân dân. Báo chí liên tục đăng tải các vụ ngộ độc thực phẩm làm chết nhiều người gây xôn xao d lượn. Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm còn phải đơng đầu với nhiều thách thức. Chúng ta không thể yên lòng khi tình hình ngộ độc thực phẩm cấp tính xảy ra thờng xuyên đặc biệt có những vụ hàng trăm người mắc phải đi cấp cứu bệnh viện cùng một lúc... chúng ta cha có giải pháp khắc phục một cách toàn diện. Cùng với trình độ nhận thức người dân còn có hạn, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước của chính quyền các cấp cha cao, sự thiếu trách nhiệm của các cơ sở sản xuất thực phẩm đối với sức khoẻ người tiêu dùng, thực phẩm không đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm đã trở thành nỗi lo lắng thờng xuyên của người dân.

### *Cụ thể:*

Đối với nhiều nạn nhân các bệnh do thực phẩm chỉ biểu hiện ở mức hơi khó chịu hay phải nghỉ việc đối với một số khác đặc biệt là các trường mẫu giáo, vờn trẻ,... thì ngộ độc thực phẩm càng nặng nề và nguy hiểm cho tính mạng. Đặc biệt d lượn càng lo lắng khi ngộ độc thuốc trừ sâu do ăn rau quả tươi ngày càng nhiều, hàm lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm vượt quá mức cho phép nhiều lần. Nhiều loại hoá chất bị cấm sử dụng ở nước ngoài đang tìm cách tràn vào Việt Nam.

Năm 1999 với con số thống kê cha đầy đủ về ngộ độc thực phẩm ở 44 tỉnh, thành phố đã xảy ra 224 vụ ngộ độc thực phẩm với 5489 người mắc trong đó có 59 trường hợp tử vong xảy ra tại các bữa ăn gia đình, bếp ăn tập thể, cơ quan, xí nghiệp,... Nguyên nhân 50,8% số vụ do thực phẩm bị ô nhiễm vi sinh vật; 8,3% số vụ do thực phẩm có d lượng thuốc bảo vệ thực vật quá giới hạn cho phép. 5,9% số vụ do thực phẩm có chứa chất độc tự nhiên nh nấm mốc, sắn độc, ... Trong năm 1999 đã xảy ra 23 vụ ngộ độc do ăn phải nấm độc với tổng số 136 người mắc, 16 người tử vong. Còn lại 35% số vụ ngộ độc thực phẩm mà y tế địa phương cha xác định được nguyên nhân.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, do nghiên cứu vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra ngay trong chiến lược thực hiện thắng hành động cũng nh trong thời gian vừa qua số người mắc trong một vụ tơng đối đơng cho thấy tính chất hết sức phức tạp của công tác quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra còn có tình trạng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng. Riêng lực lượng quản lý thị trường trong thắng 9/1999 đã kiểm tra, thu dũ 10 vạn ống và 2 vạn gói thuốc diệt chuột, trên 15 vạn ống thuốc trừ sâu và trên 15 tấn các loại thuốc bảo vệ

thực vật khác có nguồn gốc từ nước ngoài nhập lậu vào. Đó là cha kể các lực lượng khác bắt giữ cũng như số tồn kho cha có điều kiện tiêu huỷ.

Tệ sản xuất buôn bán hàng giả cũng là một nguyên nhân đáng lo ngại. Riêng lực lượng quản lý thị trường trong năm 1998 đã phát hiện trên 2000 vụ kinh doanh hàng giả, kém chất lượng, thu giữ gần 3,4 tấn kẹo, gần 1,4 ngàn chai rượu giả, trên 6,5 tấn mì chính, 400 tấn bột canh, gần 4000 chai nước khoáng Lavie...

Sáu tháng đầu năm 1999 đã thu giữ 23 tấn mì chính, trên 8000 chai nước giải khát, hơn 5000 chai rượu, trên 1,3 tấn kẹo, trên 5,2 ngàn gói tân dợc, gần 18.000 chai nước ngọt...

Dựa trên thực tiễn và tình hình và kinh nghiệm quốc tế, chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định 86 CP về phân công trách nhiệm quản lý hàng hoá.

Từ tháng 1/1997 theo nghị định 86CP, Bộ y tế chịu trách nhiệm quản lý và kiểm soát toàn bộ về an toàn vệ sinh thực phẩm trên phạm vi cả nước trừ các thực phẩm tươi sống như: Thịt trong lò giết mổ, thủy sản vẫn thuộc quyền quản lý của Cục thú y và Bộ thủy sản để tiếp quản công việc quản lý thực phẩm; Bộ Y tế cũng đã có những sự chuẩn bị từ trước để tiếp quản công việc quản lý thực phẩm. Thế nhưng hiện tại ngành y tế đang phải đương đầu với rất nhiều khó khăn trong thực thi nhiệm vụ quan trọng này, đó là sự thiếu hụt trầm trọng một đội ngũ kiểm soát và xét nghiệm thực phẩm có trình độ có kinh nghiệm, máy móc trang thiết bị của các phòng kỹ thuật thí nghiệm phân tích mẫu thuộc các viện khu vực và các trung tâm y tế dự phòng tỉnh thì cũ kỹ, lạc hậu. Kinh phí nhà nước dành cho công tác đảm bảo an toàn thực phẩm còn hạn chế. Trong khi đó thực hiện đọc những xét nghiệm cơ bản thì ít nhất mỗi cơ sở tuyến tính phải đọc cấp khoảng 2 tỷ đồng để mua sắm thiết bị. Đây là còn cha kể đến kinh phí cho huấn luyện và đào tạo cán bộ.

## **II.2. CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN HOÁ TRONG LĨNH VỰC NÔNG SẢN - THỰC PHẨM CỦA VIỆT NAM**

### **1. Lịch sử**

Nước ta là thành viên của ISO từ 1977. Từ đó đến nay công tác tiêu chuẩn hoá quốc tế nói chung và công tác tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực nông sản thực phẩm không ngừng đọc đẩy mạnh bởi lẽ đây là con đường hiệu quả nhất giúp chúng ta từng bước nâng cao chất lượng hàng hoá nông sản và xuất khẩu. Hàng loạt tiêu chuẩn ISO đã đọc sử dụng để xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN như các tiêu chuẩn trong lĩnh vực chè và cà phê...

Do đặc tính quan trọng của hàng hoá nông sản mà tổ chức long thực thế giới FAO và tổ chức y tế thế giới WHO đã phối hợp hành động trong chương trình phối hợp hỗn hợp FAO/WHO về công tác tiêu chuẩn hoá. Hai tổ chức này đã thành lập ra uỷ ban tiêu chuẩn hoá quốc tế thực phẩm về CAC vào năm 1962 nhằm bảo vệ sức khoẻ cho người tiêu dùng và an toàn, tin tưởng trong lưu thông thực phẩm.

Nhận thức đọc điều này Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường chất lượng đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu và kiến nghị tham gia CAC. Tháng 8 năm 1989 Hội đồng Bộ trưởng đã nhất trí cử Tổng cục - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng đại diện cho Việt Nam tham gia

hoạt động của CAC.

Đến 1994 Bộ Khoa học công nghệ và môi trường mới thành lập Ủy ban tiêu chuẩn hoá thực phẩm Việt Nam (Quyết định số 570/QĐ-TC ngày 11 tháng 8 năm 1994) gọi tắt là Ủy ban Codex Việt Nam với 21 thành viên bao gồm lãnh đạo các nhà quản lý nghiên cứu của các Bộ Khoa học công nghệ môi trường, Thương mại, Kế hoạch đầu t, Y tế, Thủy sản, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công nghiệp, Ngoại giao... và một số doanh nghiệp do ông Nguyễn Thiện Luân - Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn làm chủ tịch và ông Nguyễn Văn Th ởng - Thứ trưởng Bộ Y tế làm phó chủ tịch.

## **2. Hoạt động chính của Ủy ban Codex Việt Nam**

### **2.1. Thành lập các đầu mối quan hệ giữa các Bộ và Ủy ban Codex**

Để tăng cường vai trò t vấn của mình đồng thời để đảm bảo sự phối hợp giữa các Bộ với nhau trong quản lý chất lượng thực phẩm cũng nh để đảm bảo sử dụng kịp thời và rộng rãi những tài liệu mà các Ban Kỹ thuật Codex quốc tế chuyển tới trên cơ sở đó kiến nghị và áp dụng vào Việt Nam. Ủy ban Codex Việt Nam đã đề nghị các Bộ có liên quan cử cơ quan đầu mối quan hệ. Sau đây là danh sách các cơ quan đầu mối.

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm.
- Bộ Y tế: Vụ y tế dự phòng.
- Bộ Thủy sản; Vụ khoa học công nghệ.
- Bộ công nghiệp: Vụ quản lý công nghệ và chất lượng sản phẩm.
- Bộ Thương mại: Cục quản lý chất lượng hàng hoá và đo lường.

### **2.2. Thành lập các ban kỹ thuật tiêu chuẩn**

Ngay từ khi mới thành lập Ủy ban Codex Việt Nam đợc sự chỉ đạo của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng đã dần dần thành lập các Ban kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo tương ứng với các Ban kỹ thuật Codex quốc tế đang hoạt động (Hiện nay Ủy ban Codex quốc tế có 23 Ban kỹ thuật nằm ở các nớc thành viên và chỉ có 16 Ban Kỹ thuật đang hoạt động, số còn lại tạm hoãn hoạt động khi nào có nội dung thì hoạt động trở lại).

Cho đến nay chúng ta đã thành lập đợc 16 Ban Kỹ thuật với 116 thành viên. Hoạt động của các Ban kỹ thuật thực sự đã có nội dung kể từ khi Tổng cục - Tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng chủ trương thay hình thức cơ quan biên soạn sang hình thức Ban kỹ thuật. Điều này một mặt phù hợp với tập quán quốc tế, mặt khác việc tổ chức xây dựng các đề tài tiêu chuẩn hàng năm vừa đảm bảo tiến độ vừa có chất lượng cao, do động viên đợc các chuyên gia đóng góp trí tuệ của mình nhằm đưa ra các giải pháp và kiến nghị phù hợp với các điều kiện của Việt Nam trong lĩnh vực quản lý và sản phẩm thực phẩm.

Hiện nay việc tổ chức và hoạt động của các Ban Kỹ thuật Codex đợc thực hiện trên cơ sở bản ("Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của ban kỹ thuật tiêu chuẩn"). Quyết định số 246/TĐC-QĐ ngày 13/10/1993 trong đó giao cho Trung tâm - Tiêu chuẩn - chất lượng chịu trách

nhiệm tổ chức hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ và bảo đảm các điều kiện cho hoạt động của các Ban kỹ thuật.

Nhìn chung trong nhiệm kỳ vừa qua các Ban kỹ thuật đã đi vào những hoạt động cụ thể. Hàng năm các Ban kỹ thuật có liên quan đều có những đề xuất, kiến nghị với nhà nước các đối tượng thực phẩm cần tiêu chuẩn hoá, cần soát xét, các tiêu chuẩn cần soát xét, các tiêu chuẩn cần thay thế, huỷ bỏ nhằm đảm bảo cho các tiêu chuẩn đó luôn hoà nhập được với các nước nhất là các nước trong khu vực đồng thời đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và kinh doanh đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

Trong nhiệm kỳ I các Ban kỹ thuật đã xây dựng được gần 70 TCVN góp ý được trên 40 tiêu chuẩn quốc tế. Một số Ban kỹ thuật đã họp để góp ý về nội dung cho các đoàn đại biểu Việt Nam đi dự các hội nghị Codex quốc tế liên quan: Ban kỹ thuật sữa, Ban kỹ thuật đồ uống...

*Có thể kể ra đây một số ban:*

Ban kỹ thuật ngũ cốc và các hạt họ đậu TCVN/TC F1

Ban kỹ thuật dầu mỡ động thực vật TCVN/TC F2

Ban kỹ thuật rau quả tươi TCVN/TC F10

Ban kỹ thuật sữa và sản phẩm sữa TCVN/TC F12

Ban kỹ thuật cà phê và sản phẩm cà phê TCVN/TC F16

Tuy nhiên ở đây cũng có thể nêu lên một số khó khăn và tồn tại trong hoạt động của các Ban kỹ thuật.

- Một số Ban kỹ thuật chỉ bó hẹp hoạt động trong phạm vi xây dựng tiêu chuẩn vì vậy khi không có đề tài tiêu chuẩn thì không có nội dung hoạt động. Do đó cha phát huy được vai trò trách nhiệm của mình trong lĩnh vực quản lý và sản xuất kinh doanh thực phẩm.

- Các Ban kỹ thuật cha gắn hoạt động của mình với hoạt động quản lý của một số ngành có liên quan, nhất là trong vấn đề soạn thảo các văn bản pháp quy về thực phẩm, do đó việc đóng góp ý kiến bị hạn chế và khó khăn cho việc áp dụng khi được ban hành.

- Do khó khăn về kinh phí đi lại nên một số đại biểu phía Nam ít tham gia sinh hoạt ở các Ban kỹ thuật vì hầu hết đầu mối và các cuộc họp các Ban kỹ thuật đều ở phía Bắc.

- Tuy chúng ta đã làm việc với các ngành để cử các đoàn đi dự các hội nghị Codex quốc tế nhưng do điều kiện kinh phí nên nhiều khi thành phần đoàn thiếu vắng thành viên các Ban kỹ thuật cũng như thiếu các đại biểu doanh nghiệp có liên quan, do đó những ý kiến đóng góp của Việt Nam tại các hội nghị này đôi khi bị hạn chế.

- Cũng do điều kiện thiếu kinh phí nên nhiều Ban kỹ thuật không tổ chức họp được thường kỳ. Trong hoạt động còn lúng túng vì nội dung hoạt động của các Ban kỹ thuật Việt Nam không phải lúc nào cũng hoàn toàn tương ứng với các Ban kỹ thuật codex quốc tế đó là do nhu cầu xây dựng tiêu chuẩn, yêu cầu của quản lý nhà nước, điều kiện và khả năng tổ chức hoạt động

của cơ quan tiêu chuẩn hoá của nước ta có nhiều đặc thù.

### ***2.3. Các hoạt động t vấn và chuyên môn khác:***

#### ***2.3.1. Đề nghị chính phủ và các ngành có liên quan xây dựng Luật thực phẩm Việt Nam:***

Ngày 14/8/1997 Chủ tịch Uỷ ban Codex Việt Nam đã có công văn gửi lãnh đạo các ngành có liên quan và kiến nghị chính phủ về xây dựng Bộ Luật thực phẩm Việt Nam. Bộ Khoa học công nghệ và môi trường đã tổ chức một cuộc họp với các Bộ về vấn đề này và đến nay quốc hội Khoá X đã chính thức đưa vào chương trình xây dựng pháp lệnh thực phẩm trong năm 1999 và giao cho Bộ Khoa học công nghệ và môi trường chủ trì.

#### ***2.3.2. Tổ chức hội thảo, hội nghị:***

Đây cũng là nội dung hoạt động đạt kết quả tốt của Uỷ ban Codex trong nhiệm kỳ I. Do nhu cầu của tình hình thực tiễn hoặc những vấn đề mới nảy sinh trong quản lý sản xuất và kinh doanh một số loại thực phẩm ở Việt Nam, Văn phòng Uỷ ban Codex Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan và các doanh nghiệp có liên quan tổ chức nhiều hội thảo khoa học, hội nghị khách hàng.

*Cụ thể đã tổ chức một số hội nghị, hội thảo sau đây:*

Hội nghị khách hàng về bột ngọt tháng 4/95.

Hội nghị khách hàng về Aspartame tháng 4/95.

Hội nghị về chất tạo ngọt tổng hợp Acesulfame K tháng 6/95.

Hội thảo quốc gia về nước khoáng thiên nhiên và nước tinh lọc tháng 4/97.

Hội thảo về chất dinh dưỡng trong thực phẩm.

Hội thảo về Premix Vitamin.

#### ***2.4. Hoạt động hợp tác quốc tế:***

Tổ chức Tiêu chuẩn hoá quốc tế CAC đợc FAO và WHO đồng bảo trợ nên các nước thành viên không phải đóng lệ phí và Uỷ ban Codex Việt Nam cũng nhận thức đợc rằng càng làm tốt công tác hợp tác quốc tế chúng ta càng tranh thủ đợc sự giúp đỡ của 2 tổ chức này nhất là FAO và các Ban kỹ thuật codex quốc tế.

##### ***2.4.1. Tham dự các hội nghị các Ban kỹ thuật Codex quốc tế:***

Hàng năm Ban th ký của Uỷ ban codex quốc tế đều gửi trớc lịch họp của các Ban kỹ thuật cho các nước thành viên cử người đi dự. Chúng ta đã cố gắng rất nhiều trong việc ngày càng cử nhiều đoàn đại biểu đi dự hội nghị các Ban kỹ thuật codex. Do điều kiện kinh phí nên chúng ta không thể có đại biểu đi dự tất cả các cuộc họp trên mà mỗi năm chúng ta cố gắng tham dự 4-5 hội nghị ưu tiên cho những vấn đề mà chúng ta đang quan tâm nh: kiểm tra thực phẩm xuất nhập khẩu, phụ gia thực phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm... Đồng thời lãnh đạo Uỷ ban codex cũng đã cố gắng đi dự các hội nghị toàn thể các thành viên, hội nghị khu vực... đợc tổ chức 2 năm 1 lần, các đoàn đi họp về đã có báo cáo kết quả bằng văn bản để văn phòng codex kịp thời thông báo cho các nơi có liên quan biết.

Có đợc kết quả trên là do Uỷ ban Codex Việt Nam đã tích cực vận động các ngành có liên quan, giải quyết kinh phí đi họp cũng nh đề nghị một số doanh nghiệp tài trợ.

Đồng thời do những cố gắng trên mà Uỷ ban Codex Việt Nam ngày càng nâng cao uy tín và vai trò của mình đối với các Ban kỹ thuật

##### ***2.4.2. Tham dự các lớp đào tạo, đi khảo sát và dự các hội thảo quốc tế:***

Đợc sự quan tâm của Tổng cục - Tiêu chuẩn - Đo lường - chất lượng của FAO và sự tài trợ của một số doanh nghiệp, bên cạnh việc tham dự các hội nghị của Ban kỹ thuật codex quốc tế, Uỷ ban Codex Việt Nam cũng cử chuyên gia tham dự các khoá đào tạo do FAO tổ chức tại Thái Lan về hoạt động của các Uỷ ban Codex quốc gia chiến lược thực phẩm của các nước trong khu vực về an toàn thực phẩm, tham gia đoàn khảo sát về luật thực phẩm tại Úc và New Zealand, tổ chức 2 đoàn đi khảo sát lại Malaysia và Singapore về dầu ăn...

***2.4.3. Tham gia dự án xây dựng Luật thực phẩm Việt Nam do cơ quan quản lý thực phẩm Úc và New Zealand (ANZFA) tài trợ:***

Ngay từ đầu 1996 khi đoàn đại diện ANZFA sang công tác và khảo sát tại Việt Nam đoàn đã có buổi làm việc với Chủ tịch Ủy ban Codex Việt Nam, phía Việt Nam đã đề nghị ANZFA tài trợ một dự án để xây dựng luật thực phẩm Việt Nam và đến nay dự án này đã được triển khai. Kết quả của dự án này sẽ tạo nhiều thuận lợi cho việc tổ chức biên soạn pháp lệnh thực phẩm sắp tới.

### ***2.5. Công tác văn phòng Ủy ban Codex Việt Nam:***

Văn phòng Ủy ban Codex Việt Nam do Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường chất lượng tổ chức và điều hành hoạt động, là bộ phận thường trực cơ quan giao dịch của Ủy ban Codex Việt Nam với các tổ chức tiêu chuẩn hoá thực phẩm quốc tế CAC, ISO (TC34) các nước khu vực và các nước quốc tế khác có liên quan. Đầu năm 1996 sau khi được sắp xếp và củng cố lại tổ chức, hoạt động của văn phòng Codex đã dần dần đạt được một số kết quả.

#### ***2.5.1. Lập hồ sơ các Ban kỹ thuật:***

Đã lập hồ sơ của tất cả 16 Ban kỹ thuật qua đó có thể theo dõi được các hoạt động của Ban kỹ thuật codex trong nước và quốc tế.

#### ***2.5.2. Tiếp nhận, phân loại, xử lý và phân phối tài liệu:***

Đây là một trong những nội dung hoạt động quan trọng của văn phòng codex nhằm giúp cho các Ban kỹ thuật, các cơ quan quản lý nghiên cứu, các nhà sản xuất và kinh doanh cập nhật được với những thành tựu, những thông tin mới nhất của quốc tế trong lĩnh vực thực phẩm, giúp chúng ta tiến tới hoà nhập với trình độ các nước nhất là các nước trong khu vực. Hàng năm văn phòng codex đã nhận được từ FAO và các Ban kỹ thuật codex quốc tế hàng trăm đầu tài liệu quý. Văn phòng đã lập danh sách các đơn vị và cá nhân làm đầu mối nhận tài liệu. Mỗi khi nhận được tài liệu mới văn phòng đã phân loại và kịp thời thông báo dành mục tiêu, chính vì vậy hàng năm theo yêu cầu của các nơi văn phòng đã sao chụp hàng vạn bản. Tóm lại công tác tiếp nhận, giữ gìn bảo quản, phân loại và sao chụp tài liệu văn phòng Codex càng ngày càng làm tốt hơn.

#### ***2.5.3. Công tác hợp tác quốc tế:***

Văn phòng Codex đã làm việc với nhiều đoàn chuyên gia của FAO, WHO, UNIDO và một số doanh nghiệp nước ngoài. Tổ chức cho họ đi thăm và làm việc tại một số cơ sở sản xuất của Việt Nam đồng thời cũng mở rộng quan hệ thông tin, tài liệu và t vấn với Văn phòng FAO Hà Nội, Văn phòng Nông nghiệp và thương vụ một số sứ quán Mỹ, Pháp, Brazil...

- Làm các thủ tục và kiến nghị các ngành cử đại biểu đi dự các hội nghị Codex quốc tế.

#### ***2.5.4. Các công tác khác:***

- Định kỳ báo cáo công tác về hoạt động của Ủy ban Codex Việt Nam cho lãnh đạo Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và lãnh đạo Ủy ban Codex Việt Nam và đầu mối của các ngành.

- Đã in trên 1000 quyển giới thiệu về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Codex Việt Nam bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

- Ngoài ra văn phòng còn có nhiều buổi tiếp xúc với các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý

thực phẩm của Việt Nam để trao đổi những vấn đề liên quan đến sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước trong lĩnh vực thực phẩm cần giải quyết.

*2.5.5. Văn phòng Codex còn chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức các hội thảo và hội nghị như đã nêu ở phần trên.*

Độc sự giúp đỡ của Tổng cục - Tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, Văn phòng Codex đã không ngừng nâng cao năng lực hoạt động cả về trang thiết bị và chuyên môn nghiệp vụ.

## **II.3. CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN HOÁ TRONG LĨNH VỰC NÔNG SẢN - THỰC PHẨM CỦA QUỐC TẾ**

### **1. Uỷ ban tiêu chuẩn hoá của quốc tế về thực phẩm - CAC**

#### **1.1. Mục tiêu:**

*a. Bảo đảm sức khoẻ cho người tiêu dùng và bảo đảm tin tưởng xác đáng trong việc lưu thông lưu thông thực phẩm.*

*b. Hỗ trợ việc điều phối tất cả công việc tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực lưu thông thực phẩm do những tổ chức phân hành kế toán hoặc phi chính phủ thế giới tiến hành.*

*c. Xác định hướng ưu tiên, nghiên cứu và hướng dẫn xây dựng các dự thảo tiêu chuẩn thông qua hoặc với sự giúp đỡ của tổ chức liên quan.*

*d. Hoàn chỉnh những tiêu chuẩn được soạn thảo chi tiết ở mục (c) trên đây và sau khi được các quốc gia phê duyệt thì in trong Codex về thực phẩm giống như các tiêu chuẩn khu vực hay các tiêu chuẩn quốc tế khác và cùng với tiêu chuẩn gốc được chuẩn bị bởi những thành viên khác trong mục (b) trên đây.*

*e. Cải tiến các tiêu chuẩn đã phát hành sau những lần xem xét tương ứng cho phù hợp với sự phát triển chung.*

#### **1.2. Những nguyên tắc chung của Uỷ ban tiêu chuẩn quốc tế về thực phẩm:**

##### **a) Mục tiêu của Codex Alimentarius:**

Codex Alimentarius là một bộ sưu tập các tiêu chuẩn về thực phẩm đã được quốc tế chấp nhận, những tiêu chuẩn này được trình bày theo một cách thống nhất. Những tiêu chuẩn thực phẩm này nhằm bảo vệ sức khoẻ người tiêu thụ và bảo đảm an toàn trong việc buôn bán thực phẩm. Codex cũng thường có những điều quy định có tính chất tư vấn theo kiểu như những quy phạm, tài liệu hướng dẫn và cả các biện pháp có tính chất đề nghị khác nhằm đạt được những mục tiêu của Codex.

### *b) Phạm vi của Codex Alimentarius:*

Codex bao gồm các tiêu chuẩn về các loại thực phẩm chủ yếu để phân phối cho người tiêu thụ không kể sản phẩm đã chế biến, bán sản phẩm hay nguyên liệu.

Các nguyên liệu để chế biến thành thực phẩm cũng được đề cập ở mức cần thiết nhất định nhằm đạt được những mục tiêu đã xác định của Codex.

Codex Alimentarius bao gồm các điều về vệ sinh thực phẩm, chất phụ gia thực phẩm, chất thải hoá học, chất nhiễm bẩn ghi nhãn và cách trình bày, các phương pháp phân tích và lấy mẫu. Nó cũng gồm các điều khoản có tính chất t vấn theo kiểu quy phạm kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn và các biện pháp đề nghị khác.

### *c) Bản chất của các tiêu chuẩn Codex:*

Các tiêu chuẩn Codex chứa đựng các yêu cầu kỹ thuật về thực phẩm nhằm bảo đảm cho người tiêu thụ có được các sản phẩm thực phẩm ngon lành, không độc và không bị giả mạo, được ghi nhãn và trình bày đúng.

Một tiêu chuẩn Codex đối với một hay nhiều loại thực phẩm phải được xây dựng theo kích thước, khuôn khổ của một tiêu chuẩn hàng hoá Codex và chứa đựng những chỉ tiêu thích hợp nêu trong đó.

### *d) Việc công nhận những tiêu chuẩn hàng hoá Codex:*

Một tiêu chuẩn Codex có thể được một nước công nhận phù hợp với những thủ tục hành chính và pháp lý trong việc phân phối các sản phẩm có liên quan, có thể là sản phẩm nhập ngoại hay sản xuất trong nước tổng phạm vi lãnh thổ theo các cách sau:

- Công nhận toàn bộ.
- Công nhận có mục tiêu.
- Công nhận với một số thay đổi nhất định.

*e) Những tiêu chuẩn với một ngoại lệ, có những thay đổi nêu ra cụ thể* khi tuyên bố công nhận, nh vậy có thể hiểu là một sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn nhng có một số sai khác sẽ được phép phân phối tự do trong lãnh thổ của nước tương ứng. Nước đó sau này sẽ đã thêm vào tuyên bố công nhận của họ một vài lời về lý do những sai khác này và có thể nêu nh sau:

- Hoặc là sản phẩm phù hợp đầy đủ tiêu chuẩn mới được phân phối tự do trong lãnh thổ.
- Hoặc là muốn rằng có thể công nhận toàn bộ tiêu chuẩn và nếu vậy thì bao giờ mới công bố.

### **1.3. Nguyên tắc chỉ đạo cho các ban tiêu chuẩn.**

Thành phần của các tiểu ban.

*T cách thành viên:*

1. Thành viên của các tiểu ban soạn các tiêu chuẩn áp dụng cho toàn thế giới là những

thành viên của Ủy ban đã thông báo cho tổng giám đốc FAO hay WHO nguyện vọng của họ muốn đọc xem là thành viên đương nhiên hay thành viên đọc lựa chọn do Ủy ban dự định.

Chỉ đọc là thành viên của các tiểu ban lập ra để soạn thảo các tiêu chuẩn cho vùng này hay cho một nhóm nước những thành viên của Ủy ban thuộc về vùng hay nhóm nước có liên quan.  
Quan sát viên:

2. Bất cứ thành viên nào khác của Ủy ban hoặc bất cứ thành viên dự bị của FAO hay WHO cha là thành viên của Ủy ban có thể tham gia với t cách là quan sát viên vào bất kỳ tiểu ban nào nếu nh thành viên ấy đã thông báo cho Tổng giám đốc FAO hay WHO về nguyện vọng muốn nh vậy.

Những nước ấy có thể tham gia đầy đủ vào các cuộc thảo luận của Ủy ban và sẽ đọc tạo ra cơ hội giống nh các thành viên khác để phát triển quan điểm của họ. Nhnng không có quyền bỏ phiếu tán thành hay bác bỏ các kiến nghị về thực chất hoặc về thủ tục các tổ chức quốc tế có quan hệ chính thức với FAO hoặc WHO cũng đọc mời để tham dự với t cách quan sát viên các cuộc họp của các tiểu ban mà họ quan tâm.

#### Tổ chức và nhiệm vụ.

##### *Chức Chủ tịch.*

3. Ủy ban tiêu chuẩn hoá quốc tế với sản phẩm sẽ chỉ định một nước thành viên của uỷ ban đã biểu lộ thiện ý chấp nhận trách nhiệm về tài chính và các trách nhiệm khác để có trách nhiệm chọn một Chủ tịch tiểu ban. Nước thành viên có liên quan này sẽ có trách nhiệm chọn một Chủ tịch của tiểu ban trong số người dân nước họ. Nếu nh người ấy vì một lý do nào đó không làm chủ tịch đọc thì nước thành viên có liên quan sẽ chỉ định một người khác giữ chức vụ Chủ tịch chừng nào mà người Chủ tịch không làm nhiệm vụ đọc. Một tiểu ban có thể chỉ định tại bất kỳ một kỳ họp nào một hay nhiều phát ngôn viên trong số đại biểu có mặt.

##### *Ban th ký.*

4. Một nước thành viên mà ở đấy tiểu ban tiêu chuẩn tổ chức hội nghị sẽ chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ các dịch vụ cho hội nghị bao gồm cả Ban th ký. Ban th ký phải có bộ phận nhân viên tốc ký và đánh máy có khả năng làm việc dễ dàng với các ngôn ngữ sử dụng tại khoá họp và có thiết bị đánh máy và in ấn thích hợp cho họ sử dụng.

Cần tổ chức việc phiên dịch, tốt nhất là phiên dịch đồng thời cho tất cả các ngôn ngữ sử dụng trong khoá họp và các việc nh báo cáo của khoá họp cần đọc thông qua viết bằng hơn một ngôn ngữ làm việc.

5. Nhiệm vụ của tiểu ban tiêu chuẩn bao gồm:

- Lập lên một danh sách các u tiên thích ứng trong số các đối tượng và sản phẩm theo các ngôn từ tham khảo.

- Xem xét các loại sản phẩm cần đọc xây dựng tiêu chuẩn, tức là xem xét các vật liệu cần chế biến tiếp theo thành thực phẩm có cần xây dựng tiêu chuẩn không.

- Soạn thảo các tiêu chuẩn dự thảo theo các ngôn từ tham khảo.

#### ***1.4. Thủ tục soạn thảo tiêu chuẩn dùng cho toàn thế giới:***

**Bước 1:** Ủy ban căn cứ vào "Tiêu chuẩn về xác lập công việc ưu tiên và về thiết lập những cơ quan phù trợ" quyết định soạn thảo dùng cho toàn thế giới.

**Bước 2:** Ban th ký sắp xếp cho việc soạn thảo tiêu chuẩn đề nghị.

**Bước 3:** Tiêu chuẩn dự thảo đề nghị đọc gửi tới các thành viên của Ủy ban và các tổ chức quốc tế có liên quan để xin ý kiến về mọi khía cạnh bao gồm cả những ứng dụng có thể của tiêu chuẩn dự thảo đề nghị đó cho các lợi ích kinh tế của họ.

**Bước 4:** Những ý kiến nhận đọc sẽ do Ban th ký gửi đến cho cơ quan phù trợ hoặc cơ quan khác có liên quan có quyền xem xét những ý kiến này và bổ sung cho ban tiêu chuẩn dự thảo đọc đề nghị.

**Bước 5:** Tiêu chuẩn dự thảo đề nghị đọc đệ trình qua Ban th ký đến Ủy ban với ý định chấp nhận nó nh là tiêu chuẩn dự thảo. Khi đưa ra bất kỳ quyết định nào ở bước này ủy ban sẽ xem xét đầy đủ, bất kỳ sự khuyến cáo nào của bất kỳ thành viên nào đối với những ứng dụng mà tiêu chuẩn dự thảo đề nghị hay bất kỳ điều khoản nào có thể đem lại lợi ích kinh tế của họ.

**Bước 6:** Tiêu chuẩn dự thảo đọc ban th ký gửi tới tất cả các thành viên của Ủy ban và các tổ chức quốc tế có liên quan để thu thập ý kiến về mọi khía cạnh bao gồm cả những ứng dụng có thể có của tiêu chuẩn dự thảo cho các lợi ích kinh tế của họ.

**Bước 7:** Những ý kiến nhận đọc sẽ do ban th ký gửi tới cơ quan phù trợ hoặc cơ quan khác có liên quan và họ có quyền hạn xem xét những ý kiến ấy và bổ sung vào tiêu chuẩn dự thảo.

**Bước 8:** Tiêu chuẩn dự thảo đọc đệ trình qua ban th ký đến Ủy ban cùng với bất kỳ đề nghị nào bằng văn bản nhận đọc từ các thành viên để sửa đổi ở bước 8; với ý định chấp nhận bản dự thảo nh một tiêu chuẩn.

#### ***1.5. Thủ tục tiếp theo liên quan đến việc xuất bản và chấp nhận tiêu chuẩn.***

Tiêu chuẩn đọc xuất bản và phát hành đến tất cả các nớc thành viên và các thành viên dự bị của FAO và WHO và đến các tổ chức quốc tế có liên quan.

Các thành viên của Ủy ban thông báo cho ban th ký việc chấp nhận của họ đối với tiêu chuẩn phù hợp với thủ tục chấp nhận đề ra của những nguyên tắc cơ bản của tiêu chuẩn thực phẩm; bất luận cái nào thích hợp.

Các nớc thành viên và các thành viên dự bị của FAO hoặc WHO không phải là thành viên của Ủy ban đọc mời để thông báo cho Ban th ký ý muốn chấp nhận tiêu chuẩn. Ban th ký sẽ xuất bản thông kỳ những chi tiết của những thông báo nhận đọc từ các Chính phủ liên quan đến việc có chấp nhận tiêu chuẩn hay không? hoặc thêm vào thông tin này một phụ lục cho mỗi tiêu chuẩn.

a) Ghi danh sách những nớc mà sản phẩm ở nớc đó phù hợp với tiêu chuẩn ấy, có thể đ

ợc phân phối tự do.

*b) ở đâu có thể áp dụng được, nói rõ chi tiết tất cả các thay đổi được xác định rõ, những thay đổi này có thể do một nóc chấp nhận bất kỳ nào tuyên bố.*

Những xuất bản phẩm nói trên sẽ làm thành luật về thực phẩm.

Ban th ký xem xét những thay đổi do các chính phủ thông báo và thường kỳ báo cáo cho uỷ ban biết những sửa đổi có thể đối với các tiêu chuẩn Uỷ ban xem xét lại và sự sửa đổi tiêu chuẩn được khuyến cáo.

### **III. 4. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM**

***4.1. Sự cần thiết phải hình thành hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm của Việt Nam.***

*a. Cách làm của các nhà nóc.*

- Theo tập quán quốc tế, thực phẩm được coi là sản phẩm đặc biệt vì nó trực tiếp ảnh hưởng đến sức khoẻ và cả tính mạng con người, được quản lý hết sức chặt chẽ trên cơ sở các luật, sắc lệnh hay ít nhất là quy định của chính phủ, do một cơ quan chuyên trách với t cách là cơ quan chức năng quản lý nhà nóc, có màng lưới (thanh tra, kiểm nghiệm...) đặt rộng khắp trong cả nóc, với những phong tiện kỹ thuật hiện đại. Tuỳ tình hình mỗi nóc, cơ quan chức năng quản lý nhà nóc về chất lượng thực phẩm này đặt hoặc trong Bộ y tế, Bộ nông nghiệp hay Bộ khoa học công nghệ - môi trường.

Bên cạnh tổ chức này, thường các nóc còn có uỷ ban quốc gia về tiêu chuẩn hoá nông sản thực phẩm được tổ chức theo mô hình của Uỷ ban quốc tế về tiêu chuẩn hoá nông sản - thực phẩm do tổ chức Nông lương quốc tế (FAO) và Y tế thế giới (WHO) sáng lập.

- Vấn đề đặt ra của thế giới là: phải kiểm soát chặt chẽ chất lượng thực phẩm trong quá trình tạo nguồn, nguyên liệu, chế biến, vận chuyển, bảo quản, dịch vụ và cả xuất nhập khẩu nhằm mục đích ngăn chặn kịp thời mọi tác hại do thực phẩm không đảm bảo chất lượng gây ra (nh h hỏng, hôi thối, nhiễm trùng độc tố, giả mạo...) bảo vệ sức khoẻ và an toàn cho người tiêu dùng giúp họ hiểu biết chọn lựa, sử dụng thực phẩm một cách tốt nhất.

- Người ta tập trung sự quan tâm vào các mặt sau đây của chất lượng thực phẩm để xác định đối tượng nội dung yêu cầu và phong thức quản lý. + Chất lượng dinh dưỡng: Nh dạng bên ngoài, mùi vị, sắc màu cấu tạo phù hợp với đặc tính của thực phẩm đó; mức chất lượng (các chỉ tiêu hoá, lý...) có phù hợp với yêu cầu trong tiêu chuẩn hay các quy định có nội dung tương tự không?

+ Chất lượng vệ sinh: Nh sạch không lẫn tạp chất, không có biểu hiện h hỏng, hôi mốc lên men hoặc bị phân giải không mang nguồn bệnh và ký sinh trùng (thịt, sản phẩm thịt và thuỷ sản...) không vượt quá giới hạn cho phép về vi sinh vật (đặc biệt là vi sinh vật gây bệnh). D lượng (hoá chất bảo quản thuốc trừ dịch hại, phóng xạ, thuốc kháng sinh, hoóc môn. Chất phụ gia (chất được phép sử dụng hàm lượng và tỷ lệ cho phép) độc tố (hàm lượng kim loại nặng; độc tố có nguồn gốc động thực vật, độc tố vi nấm và vi sinh vật...).

+ Chất lượng thương phẩm: Bao bì (bên, đảm bảo không nhiễm bẩn, không gây ảnh hưởng tới mùi vị, màu sắc, không làm hỏng dạng bên ngoài của sản phẩm...) ghi nhãn (tên sản phẩm thành phần cấu tạo, khối lượng tịnh, nơi sản xuất, ngày sản xuất thời hạn bảo hành, cách bảo quản và cách sử dụng...).

- Đặc biệt người ta nghiêm cấm (bằng luật, bằng các quy định pháp lý về kiểm soát xử lý rất nghiêm, kể cả xử lý về mặt hình sự, sản xuất, lưu thông dịch vụ, xuất nhập khẩu những hành động như: Dùng thịt gia súc, gia cầm (động vật máu nóng nói chung) mang bệnh, (nhiệt thán thương hàn...) hoặc có ký sinh trùng (sán lá, bệnh gạo...) hoặc đã bị chết trước khi đưa vào lò mổ, chế biến thủy sản có ký sinh trùng hoặc bị nhiễm độc ở những vùng nước ô nhiễm độc chất, phụ gia không đủ độ tinh khiết, thực phẩm giả mạo hoặc không có giá trị sử dụng...

### *b) Thực trạng ở Việt Nam.*

- Ở nước ta lâu nay thực phẩm được xem như các sản phẩm khác và chịu sự quản lý chung theo pháp lệnh chất lượng hàng hóa (đương nhiên có những phần được coi trọng và có sự kiểm soát tương đối chặt chẽ hơn như vệ sinh dịch bệnh về quản lý nhà nước thì phân công từng phần cho các bộ (Y tế, nông nghiệp, công nghệ thực phẩm, thủy sản, khoa học công nghệ, môi trường...) chưa có sự thống nhất cần thiết về mặt quản lý nhà nước trong chỉ đạo, trong xây dựng luật pháp, đặc biệt là trong xây dựng tổ chức và triển khai các hoạt động tương xứng với loại sản phẩm đặc biệt này theo yêu cầu mới của quản lý nhà nước và thông lệ quốc tế.

- Việc phân cấp quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường thì ban hành các TCVN quy định các chỉ tiêu đặc trưng về chất lượng và kiểm tra giám sát tiêu chuẩn, các quy định đó trong sản xuất và lưu thông. Bộ Y tế thì ban hành một số quy định về vệ sinh và chất phụ gia, kiểm nghiệm đánh giá về vệ sinh và dinh dưỡng thực phẩm theo yêu cầu của quản lý nhà nước về y tế.

Bộ Nông nghiệp và Công nghệ thực phẩm thì tiêu chuẩn việc kiểm định động vật và cả một số thực phẩm có nguồn gốc từ động vật.

Bộ Thủy sản thì kiểm dịch động vật thủy sản.

Bộ Thương mại thì quản lý việc mua bán thực phẩm thông qua xuất nhập khẩu, có kiểm tra đánh giá, xử lý chất lượng một số thực phẩm trong khâu lưu thông nội bộ trong nước.

Tổng cục Hải quan thì kiểm soát và làm các thủ tục xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu.

Bộ Văn hóa thì phụ trách việc quảng cáo, cả Bộ Thương mại cũng làm công việc này. Trên thực tế đã không thực hiện được vai trò kiểm soát của nhà nước (rất cấp bách trong nước và cộng đồng quốc tế không chấp nhận việc kiểm soát lỏng lẻo kém hiệu quả như vậy). Tốn kém, nhiều sơ hở (nhất là về luật pháp và không ngăn chặn kịp thời các tác hại do thực phẩm không đảm bảo chất lượng).

- Do thiếu ý thức trách nhiệm, không tôn trọng luật pháp chạy theo lợi ích riêng của các tổ chức và cá nhân trong hoạt động sản xuất, lưu thông, dịch vụ xuất nhập khẩu và do sự kiểm soát của nhà nước không có hiệu quả nên tình trạng thực phẩm không đảm bảo chất lượng là phổ biến

và nghiêm trọng. Nhiều thực phẩm (nhất là dạng tươi sống hay qua chế biến của các loại động vật) được sản xuất và lưu thông không đạt mức tối thiểu cho phép về dinh dưỡng vượt quá quy định về vệ sinh, thậm chí nhiễm trùng gây bệnh và nhiễm độc tố gây hại, việc giết mổ động vật nhất là trâu, bò, lợn diễn ra mọi nơi ngay trên các vỉa hè bẩn thỉu. Những nơi dịch vụ ăn uống thì hầu hết không đảm bảo các yêu cầu vệ sinh nhất là các thức ăn sống và nước uống. Gần nh đại bộ phận các lô hàng nhập khẩu và cả xuất khẩu không được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng... Hàng giả về thực phẩm (làm trong nước và bên nước ngoài tràn vào) xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường... Những sơ hở, thiếu sót đó đã dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng cho cả trực mắt (nh gây ngộ độc chết người) và lâu dài (không đủ chất dinh dưỡng, nhiễm trùng, nhiễm độc, gây bệnh...) đó là cha nói tới khả năng mở rộng giao lưu quốc tế trong hợp tác sản xuất kinh doanh và trao đổi hàng hoá sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Đã tới lúc cần xem xét, đặt lại vấn đề quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm một cách nghiêm túc tương xứng với đặc thù của nó (sản phẩm trực tiếp ảnh hưởng tới sức khoẻ và tính mạng con người). Sau đó cần kiện toàn một cách cơ bản về mặt tổ chức (đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất của nhà nước, luật pháp chặt chẽ, nghiêm minh, đủ người và các phương tiện vật chất cần thiết. Tiến hành các biện pháp đủ sức kiểm soát một cách chủ động kịp thời tình trạng chất lượng thực phẩm trong sản xuất, lưu thông, dịch vụ xuất nhập khẩu, mở rộng quan hệ quốc tế, trong kiểm soát chất lượng thực phẩm)... Trên cơ sở điều chỉnh, bổ xung những lực lượng đã có.

#### ***4.2. Hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm.***

##### *a. Tính chất của hệ thống.*

Là một mạng lưới tổ chức được hình thành nhằm thông qua các hoạt động cụ thể được phân công mà thực hiện cho được chức năng kiểm soát của Nhà nước đối với chất lượng thực phẩm trong cả nước, kể cả thực phẩm xuất nhập khẩu.

- Mạng lưới này được sắp xếp thành hệ thống, được vận hành trên cơ sở thống nhất về luật pháp, nghiệp vụ và kỹ thuật (đối với những nhiệm vụ được giao thuộc quản lý Nhà nước về chất lượng thực phẩm) dưới sự chỉ đạo của một cơ quan Trung ương - cục quản lý chất lượng thực phẩm. (Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng).

- Hệ thống này chỉ chịu trách nhiệm trước luật pháp và nhà nước về hoạt động của mình trong việc kiểm soát chất lượng thực phẩm theo yêu cầu của quản lý nhà nước và trên cơ sở những quy định của luật pháp. Nó không chịu trách nhiệm thay cho các tổ chức và cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu thực phẩm trong các trường hợp chính do họ mà chất lượng thực phẩm không được đảm bảo và gây ra tác hại. Nó cũng không thay thế các hoạt động kiểm soát (kể cả hoạt động kiểm nghiệm, xử lý. ..) của bản thân các ngành, các cơ sở trong thực thi nhiệm vụ của mình (nh quản lý sản xuất kinh doanh, dịch vụ...)

##### *b. Cơ cấu của hệ thống.*

- Là 1 tập hợp lực lượng có thể tập hợp được theo những chuẩn mực nhất định (có t cách pháp nhân đủ điều kiện về con người và phương tiện vật chất có kiến thức và kinh nghiệm tự

nguyên...) để cùng nhau thực hiện những nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm.

- Là 1 cơ cấu thống nhất chặt chẽ về mặt chỉ đạo, về cơ sở pháp lý.... Nhưng không phải là 1 tổ chức tập trung vào 1 đầu mối về nhân sự và phương tiện vật chất, về đại thể nó bao gồm:

+ Bộ phận trực tiếp quản lý (cả nhân sự và các mặt khác) của cục quản lý chất lượng thực phẩm. Đây là cơ quan Trung ương đứng đầu hệ thống. + Bộ phận thuộc tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng đặt tại các trung tâm thanh tra hay trung tâm kỹ thuật khu vực I, II, III, IV... (nh các phòng quản lý chất lượng thực phẩm, các phòng thí nghiệm phân tích chất lượng thực phẩm). Cục quản lý chất lượng thực phẩm không trực tiếp quản lý về mặt tổ chức nhân sự mà chỉ điều hành họ hoạt động theo những nhiệm vụ quản lý nhà nước về thực phẩm được giao theo những quan hệ và lề lối do Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường chất lượng quy định. + Bộ phận thuộc tổ chức của các chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nh các phòng quản lý và phòng kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm). Quan hệ chỉ đạo điều hành của cục quản lý chất lượng thực phẩm đối với các bộ phận này cũng giống nh đối với cá trung tâm khu vực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Bộ phận thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng thực phẩm ở các Bộ có liên quan (thường đặt ở vụ khoa học kỹ thuật hay cơ quan có chức năng tương tự). Cục quản lý chất lượng thực phẩm thực hiện mối quan hệ hợp tác (và hướng dẫn giúp đỡ về nghiệp vụ kỹ thuật...). Trong thực thi các yêu cầu quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm có liên quan tới chức năng quản lý nhà nước đối với ngành hay lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật của các Bộ đó.

+ Các phòng thí nghiệm - phân tích chất lượng thực phẩm có trong các ngành, các cấp, không phân biệt sở hữu hội đủ điều kiện tự nguyện và được đánh giá công nhận.

Các phòng thí nghiệm - phân tích này thực thi nhiệm vụ được giao (ghi trong nhiệm vụ của hệ thống tổ chức) và chịu sự giám sát của Cục quản lý chất lượng thực phẩm hay cơ quan được Cục uỷ quyền giám sát.

+ Các cơ quan được uỷ quyền thanh tra và kiểm nghiệm (có thể có hình thức này khi cần thiết). Các tổ chức được uỷ quyền này thực thi nhiệm vụ theo quy định của Cục quản lý chất lượng thực phẩm.

+ Các tổ chức quốc tế và quốc gia khác tham gia vào các hoạt động kiểm soát và thử nghiệm đánh giá chất lượng thực phẩm đối với Việt Nam (chủ yếu là thực phẩm được sản xuất trong các tổ chức hợp tác liên doanh có vốn nước ngoài và thực phẩm xuất nhập. Việc công nhận được tham gia hoạt động và thực thi các hoạt động của các tổ chức này sẽ theo những quy định của chính phủ và theo các thông lệ quốc tế.

### *c. Về chức năng - nhiệm vụ.*

Ở đây chỉ có thể nêu những chức năng và nhiệm vụ chính, không liệt kê tất cả những việc phải làm của từng tổ chức.

- Vấn đề quan trọng là: Trên cơ sở những điểm chính đó mà mỗi tổ chức trong hệ thống

phải xác định cụ thể cho mình các giới hạn (theo chiều rộng và chiều sâu), đảm bảo cho trong thực thi không đi lệch chức năng (quản lý nhà nước) lệch mục tiêu (đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm) có hiệu quả (nắm đợc tình hình kịp thời, có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hiện tượng tiêu cực nhất là các tác hại nguy hiểm; đưa ra các đánh giá có căn cứ và đề nghị nhà nước có sửa đổi, bổ sung kịp thời, thích hợp về chính sách chế độ...).

- Vấn đề khó nhng rất cần nghiên cứu giải quyết sớm là: phân định ranh giới cần thiết về trách nhiệm, cả nhiệm vụ cụ thể trong quản lý chất lượng thực phẩm giữa hệ thống quản lý nhà nước này với các Bộ và cơ quan khác ở Trung ương, có liên quan (Bộ y tế, thủy sản, công nghiệp nhẹ, thương mại, hải quan...) và giữa Trung ương với các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương. Nên giải quyết bằng một quyết định của Thủ tướng Chính phủ và theo đó là các thông tin liên ngành.

### ***4.3. Hệ thống tổ chức quản lý chất lượng thực phẩm.***

Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm gồm:

#### ***1. Cục quản lý chất lượng thực phẩm.***

Đặt trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng. Trước mắt, Cục có những bộ phận chức năng chính:

- a) Phòng kế hoạch - chính sách - pháp chế.
- b) Phòng quản lý - thanh tra.
- c) Phòng kỹ thuật.
- d) Phòng hành chính - hợp tác quốc tế.
- e) Một số phòng thí nghiệm (sẽ xây dựng dần).

#### ***2. Các phòng quản lý chất lượng thực phẩm***

##### **Bố trí theo ngành và theo lãnh thổ.**

a) Các phòng quản lý chất lượng khu vực (thuộc các khối thanh tra đặt tại các khu vực I, II, III... của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng).

b) Các phòng quản lý chất lượng thực phẩm tỉnh - thành phố trực thuộc Trung ương (thuộc các chi cục Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

c) Các bộ phận quản lý chất lượng thực phẩm thuộc các Bộ quản lý ngành hay lĩnh vực (thường đặt ở vụ khoa học kỹ thuật hoặc ở cơ quan có chức năng tương tự).

d) Các cơ quan đợc uỷ quyền quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm.

#### ***3. Hệ thống các phòng thí nghiệm chất lượng thực phẩm.***

a) Các phòng thí nghiệm trực thuộc Cục quản lý chất lượng thực phẩm. b) Các phòng thí nghiệm thuộc các trung tâm kỹ thuật của Tổng cục ở các khu vực I, II, III.

c) Các phòng thí nghiệm thuộc các chi cục Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Các phòng thí nghiệm thuộc các ngành, các cấp được công nhận và giao nhiệm vụ.

e) Các phòng thí nghiệm khác được uỷ quyền và các tổ chức thí nghiệm quốc tế tham gia vào việc phân tích thử nghiệm đánh giá chất lượng thực phẩm cho Việt Nam.

Trong hệ thống này về mặt tổ chức có 3 loại hình khác nhau:

1) Các tổ chức thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng chịu sự chỉ đạo toàn diện của Tổng cục ( Cục quản lý chất lượng thực phẩm, các phòng quản lý và thí nghiệm thuộc các khu vực I, II, III).

2) Các tổ chức thuộc biên chế của tỉnh, thành phố nhưng chịu sự chỉ đạo của Tổng cục ( Cục quản lý chất lượng thực phẩm) về pháp chế, nghiệp vụ, kỹ thuật (nh các phòng quản lý chất lượng thực phẩm và phòng thí nghiệm chất lượng thực phẩm thuộc các chi cục, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng).

3) Các tổ chức thuộc biên chế của các ngành, các cấp do các ngành, các cấp quản lý toàn diện, nhưng riêng về quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm thì chịu sự hướng dẫn, giám sát của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng ( Cục quản lý chất lượng thực phẩm) như các bộ phận quản lý chất lượng thực phẩm ở Bộ, các phòng thí nghiệm được công nhận giao nhiệm vụ hay uỷ quyền;...

Bên cạnh hệ thống này có những tổ chức trong và ngoài nước có quan hệ thường xuyên với hệ thống trong quá trình hoạt động như:

- Uỷ ban phối hợp quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm

- Các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, kỹ thuật, xã hội, kể cả các tổ chức phi chính phủ, có liên quan.

- Uỷ ban tiêu chuẩn hoá quốc tế về chất lượng thực phẩm Codex và các tổ chức quốc tế, quốc gia khác có liên quan.

- Các tổ chức hoạt động về sản xuất, kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu, nghiên cứu triển khai... về thực phẩm.

- v.v...

### **Sơ đồ tổ chức**

## **HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM VIỆT NAM.**

#### ***4.4. Chức năng nhiệm vụ, quan hệ lễ lối làm việc chung của hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm.***

##### ***4.4.1. Chức năng của hệ thống.***

Thực hiện vai trò kiểm soát của nhà nước đối với chất lượng thực phẩm được sản xuất, lưu thông, dịch vụ và xuất nhập khẩu, nhằm đảm bảo giá trị dinh dưỡng, an toàn và vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng, ngăn chặn các tác hại do chất lượng thực phẩm không đảm bảo gây ra (h hỏng, hôi thối, nhiễm trùng gây bệnh, nhiễm độc tố, giả mạo...)

##### ***4.4.2. Nhiệm vụ chính của hệ thống.***

a) Nghiên cứu xây dựng các văn bản pháp quy (dự thảo luật, văn bản dưới luật, các chính sách, chế độ, quy chế các quy hoạch và kế hoạch phát triển...) để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, ban hành, phổ biến, hướng dẫn đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

Xây dựng các tài liệu nghiệp vụ và kỹ thuật để thống nhất áp dụng trong hệ thống.

b) Tiến hành các hoạt động quản lý (thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các sai phạm...)

đối với các đối tượng thuộc diện quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm...

c) Tiến hành việc phân tích thử nghiệm, đánh giá chất lượng thực phẩm phục vụ cho yêu cầu kiểm soát của nhà nước và cho các yêu cầu khác trong phạm vi được phép.

d) Thực hiện các công việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý chất lượng thực phẩm.

e) Tổ chức việc đào tạo về nghiệp vụ và kỹ thuật cho cán bộ nhân viên của hệ thống, đảm bảo cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết cho hoạt động của hệ thống.

g) Phối hợp với các cơ quan hữu trách trong việc thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước có liên quan tới chất lượng thực phẩm như: đăng ký chất lượng thực phẩm, xét công nhận các phòng thử nghiệm về chất lượng thực phẩm, chứng nhận thực phẩm phù hợp TCVN, chứng nhận hệ thống đảm bảo chất lượng thực phẩm quảng cáo chất lượng thực phẩm...

#### 4.4.3. Quan hệ lề lối làm việc trong hệ thống.

a) Trong nội bộ hệ thống (giới hạn trong nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm) thực hiện sự chỉ đạo và hướng dẫn thống nhất về pháp chế, nghiệp vụ và kỹ thuật do Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng quy định.

b) Tất cả các tổ chức và cá nhân trong hệ thống được quan hệ trực tiếp với nhau để phối hợp công tác hoặc giải quyết những công việc có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện đúng quy định về chế độ ghi chép, thống kê báo cáo (theo nội dung, biểu mẫu, thời hạn quy định, chế độ xin ý kiến cấp có thẩm quyền trong việc xem xét, giải quyết các công việc vượt quá quyền hạn của mình).

d) Các tổ chức và cá nhân có trách nhiệm chính và là chủ trì tổ chức thực hiện các công việc có liên quan tới các cơ quan và cá nhân khác thì phải đảm bảo thông báo đầy đủ, kịp thời nội dung và thời hạn công việc mình định làm, lấy ý kiến đầy đủ của các cơ quan và cá nhân có liên quan (bằng văn bản với các đối tượng bắt buộc và ghi lại ý kiến đóng góp với các đối tượng khác) trước khi quyết định.

e) Khi có ý kiến bất đồng thì giải quyết như sau:

- Trực tiếp trao đổi thỏa thuận với nhau giữa các bên có ý kiến bất đồng. - Nếu là vấn đề thuộc về tổ chức và nhân sự thì báo cáo lên cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý về tổ chức nhân sự xem xét, giải quyết.

+ Nếu là vấn đề pháp chế, nghiệp vụ, kỹ thuật thì báo cáo lên Cục trưởng Cục quản lý chất lượng thực phẩm xem xét, giải quyết.

Tùy theo tính chất từng vấn đề mà Cục quản lý chất lượng thực phẩm quyết định theo quyền hạn của mình (thường là những vấn đề nghiệp vụ); tham khảo ý kiến của các hợp đồng chuyên gia để đưa ra các chỉ dẫn hay quyết định (thường là các vấn đề kỹ thuật) hoặc báo cáo với các cơ quan cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định (thường là những vấn đề về pháp chế, quan hệ quốc tế).

#### **4.5. Chức năng nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm.**

##### **4.5.1 Chức năng - nhiệm vụ của Cục quản lý chất lượng.**

###### **a) Chức năng:**

Cục quản lý chất lượng thực phẩm (đặt trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng) là cơ quan chức năng thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm trong cả nước trên cơ sở pháp lệnh về chất lượng hàng hoá, luật thực phẩm và các quy định của chính phủ.

Cục quản lý chất lượng thực phẩm là cơ quan Trung ương đứng đầu hệ thống chịu trách nhiệm hướng dẫn xây dựng tổ chức và chỉ đạo hoạt động của hệ thống quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm.

###### **b) Nhiệm vụ.**

Cục quản lý chất lượng thực phẩm có các nhiệm vụ chính sau:

- Tổ chức nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp quy (luật văn bản dưới luật, quy định của chính phủ...) các chính sách chế độ, thể lệ, các quy hoạch và kế hoạch về quản lý chất lượng để đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt ban hành, phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định đó.

- Hướng dẫn xây dựng về tổ chức và chỉ đạo về hoạt động cho hệ thống quản lý chất lượng trong cả nước.

- Tiến hành các hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm (thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý) thuộc diện mình trực tiếp quản lý. Chỉ đạo các hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng thực phẩm của các tổ chức cấp dưới thuộc hệ thống của mình.

- Trực tiếp thực hiện (với các phòng thí nghiệm trực thuộc) và hướng dẫn theo dõi việc thực hiện (với các phòng thí nghiệm khác trong hệ thống) các phân tích thử nghiệm đánh giá chất lượng thực phẩm theo yêu cầu của quản lý nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan và các cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp quản lý khác đối với chất lượng thực phẩm nh: Đăng ký chất lượng, chứng nhận chất lượng phù hợp TCVN, xét công nhận phòng thí nghiệm, chứng nhận hệ thống đảm bảo chất lượng...

- Là đầu mối liên hệ và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý chất lượng thực phẩm (với FAO, WHO, CODEX, với các tổ chức quản lý chất lượng thực phẩm quốc gia của các nước...)

- Tổ chức việc đào tạo cán bộ cho cả hệ thống về pháp chế, nghiệp vụ và kỹ thuật trong hoạt động quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm.

- Thu thập và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho cả hệ thống.

##### **4.5.2. Nhiệm vụ chính của các bộ phận chức năng trực thuộc Cục quản lý chất lượng thực phẩm.**

## 1. Phòng kế hoạch - chính sách - pháp chế (Phòng Tổng hợp)

Nhiệm vụ chính của phòng này là:

- Tổ chức nghiên cứu xây dựng các chính sách quốc gia nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm (nh các quy định chung, các quy định về vệ sinh, vấn đề đảm bảo chất lượng trong sản xuất, lưu thông, dịch vụ, xuất nhập khẩu thực phẩm, việc tiêu dùng thực phẩm, việc kiểm soát và xử lý các tác hại do chất lượng thực phẩm không đảm bảo gây ra như ngộ độc, hội chứng, nhiễm trùng gây bệnh, nhiễm độc tố, hàng giả mạo...).

- Tập hợp yêu cầu xây dựng các quy hoạch, kế hoạch chung của hệ thống và riêng của cục về quản lý chất lượng thực phẩm. Theo dõi làm báo cáo định kỳ tình hình thực hiện các quy hoạch kế hoạch đó...

- Là đầu mối về công tác pháp chế của Cục (lập chương trình xây dựng pháp chế, hoàn chỉnh về nội dung, làm các thủ tục xét duyệt...).

- Thực hiện chức năng văn phòng của ủy ban phối hợp quản lý chất lượng thực phẩm.

## 2. Phòng quản lý - thanh tra.

Nhiệm vụ chính của phòng này là:

- Điều hòa, phối hợp hoạt động kiểm soát nhà nước đối với chất lượng thực phẩm của hệ thống (thanh tra, kiểm soát giám sát, xử lý...)

- Trực tiếp thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng thực phẩm (thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý...) đối với các đối tượng do Cục trực tiếp theo dõi, quản lý.

- Tập hợp tình hình số liệu và làm các báo cáo về tình trạng chất lượng thực phẩm trong sản xuất, lưu thông, dịch vụ, xuất nhập khẩu, đưa ra các kiến nghị nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Là đầu mối xem xét giải quyết các tranh chấp về chất lượng thực phẩm phát sinh trong các hoạt động quản lý của hệ thống (giữa hệ thống với các đối tượng quản lý giữa các bên có liên quan...).

## 3. Phòng kỹ thuật:

Nhiệm vụ chính của phòng này là:

- Tổ chức nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ và kỹ thuật trong công tác phân tích, thử nghiệm, đánh giá chất lượng thực phẩm theo yêu cầu của quản lý nhà nước.

- Hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ các phòng thí nghiệm trong hệ thống thực hiện việc phân tích, thử nghiệm, đánh giá chất lượng thực phẩm theo đúng phương pháp, khách quan, trung thực.

## 4. Phòng hành chính - Hợp tác quốc tế.

Nhiệm vụ chính:

- Làm các công việc về tổ chức nhân sự của cục và phân liên quan của hệ thống, về các

công việc hành chính về các phương tiện vật chất cho Cục.

- Làm các công việc về hợp tác quốc tế của Cục.
- Làm văn phòng trực của Uỷ ban Codex.

### 5. Các phòng thí nghiệm (nếu có)

*4.5.3. Nhiệm vụ chính của các phòng quản lý chất lượng thực phẩm và các phòng thí nghiệm không trực thuộc Cục quản lý chất lượng thực phẩm.*

#### 1. Các phòng quản lý chất lượng thực phẩm.

(ở Bộ, ở các khu vực, ở các tỉnh, thành phố).

Nhiệm vụ chính của các phòng này là:

- Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát nhà nước về chất lượng thực phẩm (thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý...) đối với các đối tượng do mình quản lý (trong sản xuất, lưu thông, dịch vụ, xuất nhập khẩu) theo đúng mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp đã quy định.

- Trong phạm vi quyền hạn của mình, buộc đối tượng bị quản lý phải áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục các sai phạm. Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương và biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng thực phẩm theo yêu cầu của quản lý nhà nước.

- Tập hợp tình hình số liệu, làm các thống kê báo cáo theo đúng biểu mẫu do Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng quy định.

#### 2. Các phòng thí nghiệm.

Nhiệm vụ chính của các phòng thí nghiệm này là:

- Tiến hành các phân tích thử nghiệm, đánh giá và cấp chứng chỉ về chất lượng thực phẩm phục vụ cho quản lý nhà nước và phục vụ cho các yêu cầu khác mà các phòng thí nghiệm được phép thực hiện.

- Tham gia nghiên cứu xây dựng các phương pháp phân tích, thử nghiệm, đánh giá chất lượng thực phẩm để Cục quản lý chất lượng thực phẩm công bố, áp dụng chung cho cả hệ thống.

- Tùy khả năng có thể tham gia vào công việc nghiên cứu sáng tạo (về phương pháp, về cải tiến chất lượng...) phục vụ cho quản lý chất lượng thực phẩm.

- Tùy theo khả năng và yêu cầu của quản lý nhà nước, có thể tham gia vào các chương trình nghiên cứu, phân tích thử nghiệm, đánh giá chất lượng thực phẩm trong các hợp tác quốc tế về quản lý chất lượng thực phẩm.

### ***4.6. Uỷ ban phối hợp quản lý chất lượng thực phẩm.***

1. Chức năng: Uỷ ban phối hợp quản lý chất lượng thực phẩm là tổ chức tư vấn và phối hợp hoạt động về quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm trên cơ sở pháp lệnh chất lượng hàng hoá, luật thực phẩm, các quy định của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo

thông lệ quốc tế.

## 2. Nhiệm vụ.

Ủy ban phối hợp quản lý chất lượng thực phẩm có các nhiệm vụ chính sau đây:

- Kiến nghị các chính sách quốc gia đối với chất lượng thực phẩm và về sự kiểm soát của nhà nước nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, bảo vệ và giúp đỡ người tiêu dùng trong sử dụng thực phẩm, tránh các tác hại do thực phẩm không đảm bảo chất lượng gây ra.

- Đề xuất các biện pháp quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm (đối tượng quản lý, nội dung, yêu cầu, phương pháp quản lý, về tổ chức, pháp chế, kỹ thuật về các hoạt động khác có liên quan như tiêu chuẩn hoá, đo lường, chứng nhận chất lượng...).

- Tổ chức các cuộc vận động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tập hợp lực lượng hướng tới mục tiêu đảm bảo và nâng cao chất lượng thực phẩm.

- Xem xét góp ý kiến về tình hình xây dựng tổ chức và hoạt động của cả hệ thống.

- Xem xét đề nghị các hình thức đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên của hệ thống, các hình thức khuyến khích tinh thần và vật chất đối với các tổ chức và cá nhân có đóng góp xứng đáng cho hoạt động quản lý chất lượng thực phẩm.

## 3. Thành phần của Ủy ban phối hợp.

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	
b) Đại diện của Bộ y tế	Phó chủ tịch
c) Đại diện Bộ NN và CNTP	Phó chủ tịch
d) Đại diện UBKHNN	Ủy viên
e) Đại diện Bộ Thương mại	Ủy viên
g) Đại diện Tổng cục Hải quan	Ủy viên
h) Đại diện Bộ Công nghiệp nhẹ	Ủy viên
i) Đại diện Bộ Thủy sản	Ủy viên
k) Đại diện văn phòng chính phủ	Ủy viên
l) Cục trưởng Cục quản lý chất lượng thực phẩm	Ủy viên

Tuỳ theo yêu cầu của quản lý nhà nước đối với chất lượng thực phẩm và Ủy ban phối hợp này có thể sẽ được bổ sung, thay thế các thành viên.

Trong khi làm việc Ủy ban phối hợp có thể mời đại diện các cơ quan có liên quan, các chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm để tham khảo ý kiến.

## 4. Quan hệ lễ lối làm việc.

a) Ủy ban làm việc theo nguyên tắc trao đổi ý kiến, đưa ra các nhận xét, đánh giá và kiến nghị, các giải pháp cho vấn đề được xem xét. Kiến nghị của Ủy ban đưa ra trên sự nhất trí của các thành viên, không lấy biểu quyết theo nguyên tắc đa số, những bất đồng không giải quyết được trong ủy ban thì báo cáo xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

b) Phương thức làm việc chính của ủy ban là họp định kỳ và họp bất thường khi cần thiết.

Các thành viên Ủy ban phải chuẩn bị kiến thức trước theo chương trình họp và các dự thảo đề án do bộ phận trực gửi, các thành viên phải nói rõ ý kiến nào là ý kiến của cơ quan mình đại diện, ý kiến nào là ý kiến của cá nhân mình.

c) Bộ phận trực (gồm chủ tịch, các phó chủ tịch và ủy viên thường trực).

Chịu trách nhiệm thu thập ý kiến chuẩn bị các dự thảo đề án, các chương trình họp cho ủy ban chịu trách nhiệm hoàn chỉnh về nội dung và hình thức văn bản, các vấn đề mà ủy ban đã nhất trí, gửi các văn bản đó tới các cơ quan và cá nhân có liên quan và cho các thành viên của Ủy ban.

d) Cục quản lý chất lượng thực phẩm ( Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng) chịu trách nhiệm bố trí địa điểm làm việc của bộ phận trực, nơi hội họp của ủy ban, các phương tiện vật chất đảm bảo cho hoạt động của ủy ban có hiệu quả.

### III.5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHUẨN HOÁ TRONG LĨNH VỰC NÔNG SẢN - THỰC PHẨM CHIA THEO PHÂN LOẠI: (BAO GỒM)

- TCVN 1699 - 86

Hạt giống lúa. Tên gọi và định nghĩa.

TCVN 1700 - 86

Hạt giống lúa nóc phong pháp thử.

TCVN 1776 - 1996

Hạt giống lúa nóc - yêu cầu kỹ thuật.

TCVN 3236 - 79

Khoai tây giống, yêu cầu kỹ thuật

TCVN 3937 - 84

Kiểm dịch thực vật. Thuật ngữ - định nghĩa

TCVN 4261 - 86

Bảo vệ thực vật - Thuật ngữ - định nghĩa

TCVN 4731 - 89

Kiểm dịch thực vật - Phương pháp lấy mẫu

TCVN 1441 - 86

Vịt thịt

TCVN 1697 - 87

Kén tơ tầm dân - Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 1857 - 86

Gà thịt

TCVN 1975 - 77

Thuật ngữ trong công tác giống gia súc

TCVN 2183: 1993

Lông vịt xuất khẩu

TCVN 3577 - 81

Trâu bò sữa. Kiểm tra khả năng xuất sữa.

TCVN 3669 - 81.

Lợn cái giống thuộc nhiên (heo trắng). Phân cấp chất lợn.

TCVN 5497 - 91 (ISO 3973: 1977)

Bò để giết mổ. Thuật ngữ định nghĩa.

TCVN 6162: 1996 (CAC/RCP 41-1993)

Quy phạm về kiểm tra động vật trước và sau khi giết mổ và đánh giá động vật và thịt trước và sau khi giết mổ.

TCVN 3138 - 79

Bảo quản tre nứa. Phương pháp phòng nấm gây mục và biến màu cho tre nứa dùng làm nguyên liệu giấy.

TCVN 3139 - 79

Bảo quản tre nứa. Phương pháp phòng mọt và mốc cho trúc.

TCVN 3230 - 90

Quế xuất khẩu

TCVN 3231 - 79

Quế xuất khẩu. Phương pháp thử.

TCVN 4188-86

Nhựa thông.

TCVN 4190 - 86 Colophan thông TCVN 4341 - 86

Nhựa cánh kiến đỏ và sản phẩm. Thuật ngữ và định nghĩa

TCVN 3772 - 83

Trại nuôi lợn - Yêu cầu thiết kế.

TCVN 3773 - 83

Trại nuôi gà. Yêu cầu thiết kế.

TCVN 3997 - 85

Trại nuôi trâu bò. Yêu cầu thiết kế.

TCVN 4251 - 86

Trại lợn giống. Yêu cầu chung về quản lý kỹ thuật.

TCVN 5376 - 91

Trại chăn nuôi. Phương pháp kiểm tra vệ sinh.

TCVN 5377 - 91.

Kho bảo quản sản phẩm động vật. Phương pháp làm vệ sinh và tiêu độc

TCVN 3996 - 85

Kho giống lúa. Yêu cầu thiết kế

TCVN 5452 - 91

Cơ sở giết mổ. Yêu cầu vệ sinh.

TCVN 2739 - 86

Thuốc trừ dịch hại. Phương pháp xác định độ axit và độ kiềm.

TCVN 2740 - 86

Thuốc trừ sâu. BHC 6% dạng hạt

TCVN 2742 - 86

Thuốc trừ sâu và tuyến trùng - Furadan 3% dạng hạt.

TCVN 2741 - 86

Thuốc trừ sâu. Basudin 10% dạng hạt

TCVN 2743 - 78

Thuốc trừ dịch hại. Xác định phần còn lại trên sàng.

TCVN 2744 - 86

Thuốc trừ dịch hại. Phương pháp xác định hàm lượng nước.

TCVN 3711 - 82

Thuốc trừ dịch hại. Diazinon 50% dạng nhũ dầu.

TCVN 3712 - 82

Thuốc trừ dịch hại. MD 60% dạng nhũ dầu

TCVN 3713 - 82

Thuốc trừ dịch hại. Metyla parathion 50% dạng nhũ dầu.

TCVN 3714 - 82

Thuốc trừ dịch hại. DDVP 50% dạng nhũ dầu.

TCVN 4541 - 88

Thuốc trừ sâu. Azodrin 50% dạng dung dịch

TCVN 4542 - 88

Thuốc trừ sâu. Bassa 50% dạng nhũ dầu

TCVN 4543 - 88

Thuốc trừ nấm bệnh. Kitazin 10% dạng hạt

TCVN 4718 - 89

D lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thóc gạo và đậu tằm. Phương pháp xác định d lượng

Gama - BHC

TCVN 4719 - 89

D lợng thuốc bảo vệ thực vật trong thóc gạo và đậu tợng. Phương pháp xác định Methylparathion.

TCVN 4729 - 89

Thuốc bảo vệ thực vật. Danh mục chỉ tiêu chất lợng.

TCVN 5141 - 90 (CAC/PR7-1984).

Nông sản thực phẩm. Hớng dẫn thực hành phân tích d lợng thuốc trừ dịch hại.

TCVN 5624: 1991 (CAC/VOL.XiV Ed.2 Part IV)

Danh mục giới hạn tối đa d lợng thuốc trừ dịch hại.

TCVN 1525 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lợng phốt pho.

TCVN 1526 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lợng Canxi.

TCVN 1532: 1993

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp thử cảm quan

TCVN 1535: 1993

Thức ăn hỗn hợp cho chăn nuôi. Phương pháp xác định mức độ nghiền.

TCVN 1537 - 74

Thức ăn hỗn hợp cho gia súc. Phương pháp xác định hàm lợng tạp chất sắt.

TCVN 1539 - 74

Thức ăn hỗn hợp cho gia súc. Phương pháp xác định hàm lợng bao tử.

TCVN 1540 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định độ nhiễm cõn trùng.

TCVN 1545: 1993

Thức ăn cho chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lợng chất chiết không đậm

TCVN 1546 - 74

Thức ăn hỗn hợp cho gia súc. Phương pháp xác định hàm lợng axit.

TCVN 1547: 1994

Thức ăn hỗn hợp cho lợn.

TCVN 1644 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Bộ cá nhạt.

TCVN 2265: 1994

Thức ăn hỗn hợp cho gà.

TCVN 3142: 1993

Thức ăn cho chăn nuôi premix vitamin

TCVN 3143: 1993

Thức ăn bổ sung cho chăn nuôi. Premix khoáng vi lượng.

TCVN 4325 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu.

TCVN 4326 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định độ ẩm.

TCVN 4327: 1993

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng tro.

TCVN 4328 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng nitơ và protein thô.

TCVN 4329: 1993

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng xơ thô.

TCVN 4330 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng Natri clorua.

TCVN 4331 - 86

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng chất béo thô.

TCVN 4585: 1993

Thức ăn chăn nuôi: khô dầu lạc

TCVN 4783 - 89

Thức ăn hỗn hợp cho chăn nuôi. Danh mục chỉ tiêu chất lượng.

TCVN 4801. 89 (ISO 771: 1977)

Khô dầu. Phương pháp xác định hàm lượng ẩm và các chất bay hơi.

TCVN 4802 - 89 (ISO 736: 1977).

Khô dầu. Phương pháp xác định phần chiết xuất bằng diethyl este.

TCVN 4803 - 89 (ST SEV 4800 - 84).

Thức ăn chăn nuôi dạng viên nhỏ bổ sung vitamin E.

TCVN 4804 - 89 (ST SEV 4318 - 83)

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định aflatoxin.

TCVN 4805 - 89 (ISO 5061 - 1983)

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định vỏ hạt thầu dầu bằng kính hiển vi.

TCVN 4806 - 89 (ISO 6095: 1980)

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định Clorua hoà tan trong nước.

TCVN 5138 - 90 (CAC/PR 4-1986).

Nông sản thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Phân loại để phân tích d lượng thuốc trừ dịch hại.

TCVN 5181 - 90.

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng Lizin.

TCVN 5282 - 90.

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng Metionin

TCVN 5284 - 90

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng Caroten.

TCVN 5283 - 90.

Thức ăn gia súc. Phương pháp xác định hàm lượng triptophan.

TCVN 5285 - 90

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định hàm lượng hydrrat cacbon hoà tan và dễ thuỷ phân bằng thuốc thử antro.

TCVN 5306 - 91 (ST SEV 5625 - 86)

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định độc tố nấm Fuzariotoxin

TCVN 5790 - 1993.

Thức ăn chăn nuôi. Phương pháp xác định nấm men và nấm mốc.

TCVN 4285 - 86

Thuốc lá điếu. Phương pháp thử.

TCVN 4286 - 86

Thuốc lá đầu lọc. Phân tích cảm quan bằng phương pháp cho điểm.

59 4287 - 86

Thuốc lá điếu đầu lọc.

TCVN 5075 - 90 (ISO 2817: 1974)

Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá. Phương pháp quang phổ xác định ancaloit

TCVN 5077 - 90 (ISO 2971: 1990)

Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá. Thuốc lá điếu và đầu lọc. Phương pháp xác định đường kính danh nghĩa.

TCVN 5078 - 90 (ISO 3402: 1978)

Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá. Môi trường bảo ôn mẫu và thử.

TCVN 5079- 90 (ISO 3550: 1975).

Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá. Thuốc lá điếu. Phương pháp xác định độ rỗ đầu.

TCVN 5080 - 90 (ISO 8474: 1981)

Thuốc lá nguyên liệu. Lấy mẫu, nguyên tắc chung.

TCVN 5081 - 90 (ISO 6488: 1981).

Thuốc lá. Phương pháp xác định hàm lượng nước.

### **Phần III:**

## **PHÒNG HÓNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NÓC VỀ TIÊU CHUẨN HOÁ ĐỐI VỚI NÔNG SẢN - THỰC PHẨM**

1) Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương.

2) Hoàn thiện pháp lệnh thực phẩm và một số thông t liên tịch phân công trách nhiệm quản lý chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm nhằm tránh chồng chéo, tránh bỏ sót nhiệm vụ đối tượng quản lý và phạm vi trách nhiệm giữa các Bộ.

3) Đẩy mạnh công tác xây dựng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường hàng dào kỹ thuật để chủ động giám sát chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

Triển khai có hiệu quả "Tháng hành động về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm" đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục kiến thức cho cộng đồng về vệ sinh an toàn thực phẩm để phòng ngộ độc thực phẩm.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, trách nhiệm của các cơ sở sản xuất thực phẩm đối với việc bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của người tiêu dùng.

4) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành mặt hàng thực phẩm lưu thông trên thị trường (chú trọng thực phẩm nhập khẩu và sản xuất tiêu dùng nội địa) góp phần chống thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng nhằm lập lại trật tự, kỷ cương và chủ động để phòng ngộ độc thực phẩm, bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của người tiêu dùng.

5) Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm áp dụng chương trình quản lý bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo HACCP, ISO, GMP...

\* Nông sản - thực phẩm là một loại hàng hoá đặc biệt vì vậy rất cần có sự tập trung quản lý của Nhà nước. Trước hết về mặt kỹ thuật Nhà nước phải có một chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao hơn nữa chất lượng hàng hoá nông sản thực phẩm. Đảm bảo cho người tiêu dùng có được một sự tin tưởng khi tiêu thụ sản phẩm. Nhà nước phải tập trung các tiêu chuẩn tại cơ quan có thẩm quyền sau đó cung cấp cho các cơ sở sản xuất chế biến hàng hoá nông sản thực phẩm. Dưới hai hình thức: Bắt buộc áp dụng và tự nguyện áp dụng. Hầu hết các doanh nghiệp trong nước khi khai thác chế biến loại hàng hoá này đều đã thấy được sự cần thiết phải áp dụng tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực nông sản thực phẩm đối với các chính sách của Nhà nước họ đã áp dụng một cách triệt để. Vì vậy khi nói đến số lượng các doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn hoá thì có thể kết luận ngay rằng: Tất cả các doanh nghiệp sản xuất, chế biến hàng hoá nông sản thực phẩm trên lãnh thổ Việt Nam đều có giải pháp áp dụng tiêu chuẩn hoá. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường là sự cạnh tranh ngày ngất của các mặt hàng. Và một điều tất yếu rằng tất cả các doanh nghiệp sản xuất loại hàng hoá này cũng đều phải ngày một nâng cao hơn nữa

chất lượng sản phẩm thì mới có u thế tồn tại và phát triển.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng hàng hoá nông sản thực phẩm phục vụ cho ngời tiêu dùng cần thiết phải có sự nỗ lực của hai bên: Nhà nước tăng cường hơn nữa sự quản lý trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế thì mới mong có đợc nền thương mại phát triển. Đối với các doanh nghiệp cần phải áp dụng một cách triệt để các tiêu chuẩn của Nhà nước đã đề ra cùng với sự phát triển của nền kinh tế trong nớc.

# KẾT LUẬN

Muốn đảm bảo và nâng cao chất lượng đòi hỏi phải có nhận thức đúng đắn từ phía các doanh nghiệp cùng với một phong pháp quản lý khoa học của Nhà nước. Để hình thành nên một cơ cấu quản lý cũng nh sự điều tiết của Nhà nước về tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực nông sản - thực phẩm là cả một quá trình hình thành và phát triển của luật pháp quốc gia.

Với đề tài: "Tăng cường quản lý của Nhà nước về tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực Nông sản - Thực phẩm". Em chỉ có thể nêu đợc một số quan điểm về tiêu chuẩn hoá trong lĩnh vực Nông sản - Thực phẩm. Và một số góp ý về tăng cường quản lý Nhà nước.

Do kiến thức còn hạn chế nên khi trình bày sẽ không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong sẽ nhận đợc sự chỉ bảo của thầy.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các cô, các bác trong Trung tâm tiêu chuẩn chất lượng (Thuộc TCTCĐLCL). Và sự hớng dẫn của thầy giáo: GS.TS Nguyễn Đình Phan. Đã giúp em hoàn thành bài viết này.

**Sinh viên**

**Trịnh Minh Thạo**